

THUYẾT VÔ CẤU XUNG KINH SỞ

QUYỂN 3 (PHẦN 2)

Kinh: Đại Ca-diếp-ba... đến thăm bệnh ông ấy.

Tán: Từ đây trở xuống là phần từ chối, gồm có ba: Đây là đoạn nêu lên đạo đã bị khuất phục. Ca-diếp cứu kẻ bần khổ, không có tâm Từ bi bình đẳng bố thí, các tướng vẫn còn, không thể vô tướng nơi sự, nhân đó mà bị khuất phục. Cho nên đáp là không kham nhận.

Kinh: Vì sao?... mà khát thực.

Tán: Đây là phần thứ hai hiển lý đã cùng tận. Đầu tiên tự hỏi và sau là trình bày. Trong phần trình bày lại có hai: Đầu tiên là nêu việc của mình, sau là thuật lại lời của ngài Vô Cấu. Đây là lời tự hỏi và nói việc của chính mình. Vào xóm nghèo mà thuận khát thực, nghĩa là nếu kẻ bần khổ mà chẳng tu, e rằng tương lai lại sẽ nghèo tiếp, cho nên đến khuyến hóa. Giàu đã chẳng phải như thế, cho nên không đến khát thực. Giàu thì dư dật, xin nơi họ đã thuận mình mà được đầy đủ, nghèo thì các việc đều không, xin nơi họ thì trái tình mà ít được, nhưng vốn vì nuôi thân và cứu vật, chẳng mong cầu lợi ích cho mình mà phiền lụy người khác, cho nên đến xóm nghèo khát thực là có nguyên do. Thứ tự khát thực cho nên gọi là tu.

Kinh: Lúc bấy giờ, Vô Cấu Xưng... mà nói rằng.

Tán: Thuật lại lời của ngài Vô Cấu Xưng, gồm có hai: Đầu tiên nêu phép tắc đến gặp, sau chính thức trình bày lời của Vô Cấu. Đây là văn đầu tiên.

Kinh: Thưa Đại Ca-diếp... đến người nghèo mà khát thực.

Tán: Đầu tiên nêu lên việc chẳng đúng; kế đến là nói về chánh lý, sau cùng là tổng kết khuyên bảo. Đây là văn đầu. Khi đến người nghèo khát thực, thì khiến cho họ mai sau được giàu có, an vui, đó là Từ, tận trừ gốc nghèo khổ cho họ tức là Bi. Đây chỉ cứu giúp kẻ nghèo khổ mà bỏ người giàu có, cho nên nói không cùng khắp.

Kinh: Tôn giả Ca-diếp... nên thứ tự xin ăn.

Tán: Đây là thuật về chánh lý. Văn gồm có hai:

1. Nói về người xin.
2. Nói về người bố thí.
 - Trong phần nói về người xin gồm có ba đoạn:
 1. Phá sáu tướng.
 2. Phòng sáu căn.
 3. Nói về chứng lý tu nhân.
 - Đầu tiên phá sáu tướng:
 1. Phá hạnh thiên lệch.
 2. Trừ tướng thức ăn.
 3. Dứt tướng làng xóm.
 4. Bỏ tướng thành ấp.
 5. Thú hưởng đến tướng nhà Phật.
 6. Phá tướng chấp trước.

Đoạn này là phá hạnh thiên lệch, chỉ xin nơi người nghèo, thì nghèo có thể thành giàu, chẳng xin nơi người giàu, thì giàu có thể sẽ nghèo. Cho nên phải trụ nơi bình đẳng mà hành khát thực. Bản dịch xưa không có sáu, chỉ có bốn, thiếu việc vào thành ấp và thú hưởng đến nhà Phật.

Kinh: *Vì chẳng ăn... cho nên khát thực.*

Tán: Đây là trừ tướng thực. Ca-diếp thấy có tướng thực chỉ dùng để nuôi dưỡng thân là cứu kẻ nghèo khổ, cho nên hành khát thực. Nay dùng ba nghĩa mà dạy thực hành khát thực, không chỉ dùng để nuôi thân...

1. Đến quả vị Phật, khi được Bồ-đề chẳng cần thức ăn, nhưng thực hành khát thực là để trưởng dưỡng pháp thân.

2. Phá chấp về món ăn sinh tử từ xưa đến nay, tức hành khát thực để phá sinh tử. Cho nên kinh ghi: “Khi ăn đoàn thực, như ăn thịt loài khoáng dã tử”.

3. Vì nhận của người thí, khiến cho hạnh bố thí của họ được thành tựu mà hành khát thực.

Trong ba nhân này thì đầu tiên sáu độ của mình viên mãn, kể đến là trừ sinh tử trói buộc, sau cùng là sáu độ của người viên mãn. Vì ba nghĩa này nên thực hành khát thực. Bản dịch xưa, thứ hai là nói “Phá hoại tướng hòa hợp”, tức trừ chấp thực. Thực (thức ăn) là tướng hòa hợp của ba trần. Thứ ba là nói “Vì chẳng nhận cho nên nhận thức ăn của kia”. Nay ở bản này thì đoạn trên lại đặt sau đoạn văn nói về tướng không tụ. Hai bản dịch cũ và mới thứ tự khác nhau; bản xưa lại thiếu

câu thứ ba.

Kinh: *Dùng tướng không tụ... vào các thành ấp.*

Tán: Đoạn này gồm có hai tướng là phá tướng làng xóm và phá tướng thành ấp. Vào các thành ấp tụ lạc tướng như không tụ, chẳng thấy xóm làng do đó người thấy ta mà nghĩ nhớ đến Tam bảo, đoạn ác hành thiện, được mười lợi ích, cho nên vào thành ấp, lợi lạc chúng sinh chứ chẳng phải điều gì khác.

Kinh: *Tướng đến nhà Phật... mới nên nhận thức ăn của người.*

Tán: Đoạn này có hai:

1. Tướng nhà Phật.
2. Phá tướng chấp trước.

Nhà Phật tức Phật pháp giới. Vào nhà thí chủ, khởi tướng vào nhà chân lý vô tướng vô vi. Vì phá chấp trước cho nên thọ nhận thức ăn của người. Vì chẳng thọ nghĩa là chẳng chấp trước. Vả lại ba luận thanh tịnh, ba việc thể đều không, nên gọi là chẳng thọ. Năng thọ sở thọ đều gọi là thọ. Trên đã phá sáu tướng, sau đây là phòng hộ sáu căn. Bản dịch xưa lầm lẫn điều này như trên đã nói.

Kinh: *Thấy sắc và mùi... như trí chứng.*

Tán: Đây là văn thứ hai, ngăn bít sáu căn. Đoạn này ngăn năm căn, thấy sắc như mù, chẳng thấy tốt xấu, đâu sinh yêu ghét? Nghe âm thanh như tiếng vang, chẳng phải thật âm thanh, có gì mà khen chê? Ngửi mùi như gió, không có thơm hôi thì đâu có tăng thêm ác. Ăn các món ăn mà không phân biệt đắng chua cay ngọt, thì cái gì có thể lấy, cái gì có thể bỏ; thọ nhận các cảnh xúc chạm, như trí chứng lý, chẳng thể đàm luận, phân biệt tướng trạng, thì cái gì mà trơn nhám, cho nên ngăn ngừa năm căn không sinh khởi các lỗi.

Kinh: *Biết các pháp như tướng huyễn... không có tịch diệt.*

Tán: Đoạn này là phòng ý căn. Thông đạt được duyên khởi, do đó mà thành khổ lạc nhất vị. Biết các pháp hữu vi như tướng huyễn đều chẳng phải là chân thật mà do giả nhân duyên sinh khởi, không thể tự tác dụng, chẳng từ tự sinh; không có tự tánh; không do tha tác dụng, chẳng tại pháp khác sinh, chẳng có tha tánh; chẳng từ cộng sinh, không có tánh tự tha. Tuy không có ba tánh này nhưng do sự tác dụng của nhân duyên mà có công năng, vì do duyên mà được. Do đó mà nói không thật có sinh tử xao động, không thật có Niết-bàn vắng lặng, cả hai đều một vị, cho nên đều bình đẳng, đâu có các ý thức phân biệt. Bản dịch xưa ghi: “Vốn tự chẳng như thế”, tức xưa không sinh tử thì nay không diệt, cũng không có Niết-bàn; nghĩa lý cũng giống nhau.

Kinh: *Tôn giả Ca-diếp... sau đó mới được ăn.*

Tán: Đây trở xuống là phần thứ ba nói về chứng lý tu nhân, gồm hai phần, đầu tiên nói về bình đẳng, sau kết luận nói có thể ăn. Đây là văn đầu. Trong đây lại có hai, đầu tiên nói về lý bình đẳng, sau nói về sự bình đẳng. Tám tà tức là tám việc trái với chánh do ngoại đạo phạm phu khởi, đó là: Tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà niệm, tà định, tà tinh tấn. Tám giải thoát, tức tám pháp do bậc Thánh, Phật sinh khởi, đó là:

1. Có sắc quán các sắc.
2. Bên trong không sắc quán sắc bên ngoài.
3. Tịnh giải thoát tác chứng.
4. Không xứ.
5. Thức xứ.
6. Vô sở hữu xứ.
7. Phi tưởng phi phi tưởng xứ.
8. Diệt định giải thoát.

Tám giải thoát như trước đã giải thích. Chẳng bỏ tám tà, tức tùy thuận ngoại đạo mà cũng khởi, vì chiết phục họ mà vào tám giải thoát, tùy thuận chánh đạo. Vả lại tà chánh đều như nhau, dùng các pháp bình đẳng tà, nhập vào các pháp bình đẳng chánh, pháp tánh bình đẳng tức chân như. Trên đây đều là nghĩa của ứng lý. Nghĩa Không Lý ghi: “Cảnh vốn không, thấy sắc và mù... đều là duyên khởi, chẳng thật có, cho nên như tướng huyễn. Các pháp không hai, sinh tử Niết-bàn đều bình đẳng, tà chánh chẳng khác, cho nên dùng bình đẳng tà nhập vào bình đẳng chánh. Đây đều là chân đế, tất cả là vô tướng, đều là tánh không. Trên là nói lý tà chánh bình đẳng, dưới đây là nói về cúng dường, tức sự bình đẳng, dùng một nắm cơm mà cúng dường mười phương Phật và các hiền Thánh để tu nhân của tâm và hạnh bình đẳng. Hạnh này tuy nhỏ ít mà quả lại vô biên.

Kinh: *Ăn như thế... mới có thể ăn.*

Tán: Đoạn này là kết luận có thể được ăn. Chẳng trụ tịnh nhiễm, chẳng trụ định tán, chẳng trụ thăng trầm, gọi là chẳng trụ đạo. Có chương gọi là tạp nhiễm, vô lậu gọi là lìa nhiễm. Vô lậu đã viên mãn thì chẳng có tạp nhiễm, nếu hiện khởi hữu lậu tức chẳng lìa tạp nhiễm. Bản dịch xưa ghi: Phiền não thì chẳng đúng. Bên ngoài thực hành việc lợi tha, chẳng nhập tĩnh định trong tâm thường chẳng loạn, chẳng xuất tĩnh định, đại trí thành tựu viên mãn, đã được Niết-bàn, chẳng trụ sinh tử, đại bi đã mãn; thường làm lợi lạc nên chẳng trụ Niết-bàn. Được pháp chẳng

trụ như thế mới có thể ăn, đây là nghĩa của Ứng lý. Nghĩa Không lý ghi: “Trong chân đế không có tướng đáng gọi là tướng, cho nên chẳng có tạp nhiễm. Chẳng bỏ thế đế, mà làm việc lợi lạc cho chúng sinh; chẳng lìa tạp nhiễm, cho đến chẳng trụ sinh tử và Niết-bàn. Trụ ở chân đế này chẳng bỏ Tục đế, như thế mới được thọ nhận thức ăn.

Kinh: *Các người cúng dường cho Tôn giả... chẳng hướng đến Thanh văn.*

Tán: Trên là nói về người khát thực, còn đây là nói về người bố thí cúng dường. Chẳng chấp tự thể, chẳng chấp quả báo. Chẳng chấp được báo ân gọi là thí độ, cho nên vị lai không có quả nhỏ trời người và Nhị thừa, không có quả lớn Bồ-tát Như Lai. Chẳng khởi tà kiến bài bác không nhân quả, chẳng tín tâm bố thí thì gọi là không tổn giảm, chẳng khởi chấp trước hư vọng ngã pháp thì gọi là không tăng ích. Hướng đến cõi Phật tức là chân như Niết-bàn, do ba việc đều không mà thực hành bố thí, thì thú hưởng đến cõi Phật, Đại Bát Niết-bàn, chân như Phật tánh mà chẳng hướng đến Thanh văn.

Kinh: *Này Tôn giả Ca-diếp!... thức ăn của người thí.*

Tán: Đây là phần thứ ba, kết luận khuyên tu. Theo trên đã nói phá sáu tướng, ngăn ngừa sáu căn, nhập vào tánh bình đẳng, nhân nghiêm hạnh lớn, chẳng phải không thực, tất cả đều là phước điền, vì tự tha đều lợi lạc. Nếu có sáu tướng, chẳng phòng hộ sáu căn, chẳng nhập bình đẳng, nhân hạnh cực hạn, là không thực, chẳng phải chân phước điền vì tự tha đều tổn giảm.

Kinh: *Bạch Thế Tôn! Lúc bấy giờ... khởi tâm cung kính.*

Tán: Đây là đoạn văn thứ ba, kết luận nguyên do từ chối chẳng nhận, tự nhận kém sút xin thoái lui. Gồm có năm:

1. Nghe luận thắng pháp là điều chưa từng có.
2. Khởi tâm cung kính Bồ-tát.
3. Tán thán trí tuệ biện tài.
4. Mình được lợi ích.
5. Tổng kết lời đáp.

Đoạn này gồm hai việc.

Kinh: *Bạch Thế Tôn! Rất kỳ diệu... tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.*

Tán: Đây là tán thán trí tuệ biện tài. Khen ngài Vô Cấu là một cư sĩ sống đời thế tục có gia đình mà có thể được như thế, nếu là xuất gia thì không có gì kinh ngạc tán thán, vì tham học tiến tu là bổn phận của mình. Là người có trí, ai nghe diệu pháp này mà không phát tâm Đại

thừa?

Kinh: Từ nay trở về sau, con... đến thăm bệnh ông ấy.

Tán: Đoạn này nói về việc mình đã được lợi ích, và kết luận lời đáp.

Kinh: Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn... đến thăm bệnh ông ấy.

Tán: Đây là đoạn thứ tư, đầu tiên sai bảo. Âm Phạm Ma-ha Tô-bồ-đề, Hán dịch là Đại Thiện Hiện. Ứng theo Phật xuất thế mà khéo léo hiện sinh, hoặc xưa đã phát đại nguyện khéo có thể hiện tiền liễu đạt nghĩa không. Hoặc cho rằng ở thành Xá-vệ có một đại Trưởng giả tên là Câu-lưu, do cầu trời mà sinh được một người con. Lúc mới sinh thì trong nhà của trưởng giả trở nên trống vắng. Thầy tướng đến xem và đặt tên là Thiện Hiện. Hiện tức là sinh, khi sinh thì trong nhà đều trống không vắng vẻ, biểu thị sau này lớn lên sẽ thấu hiểu được nghĩa không. Cho nên gọi là Thiện Hiện.

Kinh: Bấy giờ, Đại Thiện Hiện... đến thăm bệnh ông ấy.

Tán: Đoạn này nêu chung, việc đạo đã bị khuất phục, Thiện Hiện tuy về sự đã bình đẳng tu tập mà hành khát thực, nhưng chưa chứng được pháp không, lý chưa bình đẳng. Tuy sự đã vô tránh mà vào làng khát thực, nhưng chứng lý vô tránh chưa được viên mãn. Do đó bị chê trách, mà trả lời là chẳng kham nhận.

Kinh: Vì sao?... kể đến vào nhà ông ấy.

Tán: Hiện riêng về lý đã cùng. Đầu tiên tự hỏi, sau là giải thích. Trong phần giải thích gồm có hai, đầu tiên nêu việc của mình, sau đó thuật lời của ngài Vô Cấu Xưng. Đây là lời tự hỏi và nêu lên việc của mình.

Kinh: Lúc bấy giờ, Vô Cấu Xưng... mà nói với con rằng.

Tán: Thuật lời của Vô Cấu Xưng, gồm có hai, đầu tiên nói về đến ra mắt, sau chánh thức trình bày. Đây là văn đầu tiên.

Kinh: Thưa Tôn giả Thiện Hiện!... mới có thể nhận thức ăn.

Tán: Đây là phần chính thức trình bày, gồm có sáu:

1. Nói về lý.
2. Nói về tự mê.
3. Vô Cấu Xưng an ủi.
4. Nói về lời đáp của mình.
5. Lời của Vô Cấu Xưng chỉ dạy.
6. Đạt lợi ích.

Văn đầu gồm có bốn:

1. Hiện pháp và Phật bình đẳng.

2. Phược và giải bình đẳng.
3. Tà chánh bình đẳng.
4. Thiện ác bình đẳng.

Đây là đoạn văn đầu. Thức ăn có bốn loại như đã nói ở trước. Không Lý Nghĩa ghi: Tánh bình đẳng này, tức Thắng nghĩa không, lấy thực làm gốc của nhân duyên, nhờ vào thực để nói, dùng lý Không của thực nhập vào tất cả pháp không. Thực là pháp riêng, những cái khác là pháp chung, cả hai đều không. Dùng lý không của tất cả pháp nhập vào lý không của Phật. Lìa ngoài không này chẳng có Phật không riêng biệt. Liễu đạt được không này, thì tâm không trệ ngại, sự hành bình đẳng và được vô tránh, như thế mới nhận được thức ăn (thực). Ngài Thiện Hiện chưa chứng được không này, tâm còn trệ ngại, chẳng bình đẳng và hữu tránh, như thế làm sao có thể nhận thức ăn”. Ứng Lý Nghĩa ghi: “Tánh bình đẳng này tức lý chân như, hiểu được chân như thực tức chân như các pháp, hiểu chân như tất cả pháp tức chân như Phật. Từ ẩn đến hiển đều liễu đạt tánh bình đẳng; chứng lý thì trí sinh, tâm không chấp trước; vì lợi ích hữu tình nên ngoài thực hành bình đẳng và cùng họ vô tránh mới có thể nhận thức ăn. Nếu chẳng như thế, làm sao mà không luống uổng thức ăn của người? Bản dịch xưa nói hai tánh thực và pháp bình đẳng xoay vần đồng đẳng nhau, mà không có tánh bình đẳng Phật, thì lý thiếu, văn trái nghịch.

Kinh: *Thưa Tôn giả Thiện Hiện... nhập nhất thú đạo.*

Tán: Phần thứ hai nói về phược và giải bình đẳng, gồm có chín đôi. Đoạn này có hai là thiện bất thiện, ngã kiến vô ngã kiến. Lý không nghĩa ghi: “Tâm có phân biệt thì trói buộc và giải thoát là hai, chứng chân đế, tâm vô phân biệt thì trói buộc (phược) và giải thoát không hai, đều là lý không”. Ứng Lý Nghĩa ghi: “Chẳng đoạn bất thiện căn, thì hiện hiện hành có lợi ích lớn, như vua Mãn Túc thị hiện giáo hóa... thật chẳng khiến cùng chung với nó. Tát-ca-da kiến, Hán dịch là nguy thân kiến, ngã kiến. Chẳng hoại ngã kiến nghĩa là thị hiện sinh khởi, câu đại Bồ-đề, độ các hữu tình, đều là ngã. Nhưng nhập vào đạo vô ngã nhất thú, lý vô ngã gọi là Nhất thú, là chỗ quy về của hành giả ba thừa. Đạo tức năng duyên, tức vô ngã kiến, chẳng đoạn ngã kiến mà chứng vô ngã kiến. Nhập tức ngộ. Bản dịch xưa ghi: “Chẳng hoại thân” tức thân kiến. Tùy nhất tướng tức vô ngã kiến. Trong vô ngã kiến lại không hai.

Kinh: *Chẳng diệt vô minh... mà giải thoát.*

Tán: Đoạn này có một đôi là tạp nhiễm thanh tịnh. Vô minh là nhân phát nghiệp. Hữu tức ba hữu; ái tức ái thủ; hữu ái chính là duyên để nhuận

sinh, là căn bản của sinh tử trôi buộc. Thuận các chúng sinh, chẳng bỏ sinh tử cho nên nói là chẳng diệt, tuy chẳng diệt vô minh mà khởi vô lậu kiến minh; tuy chẳng diệt hữu ái mà khởi giải thoát. Giải thoát nghĩa là tuy đã có duyên nhuận sinh, nhưng đã chứng lý vô vi, thuộc về thắng giải; chân lý được chứng gọi là giải thoát, tức Niết-bàn.

Kinh: Thường dùng pháp tánh bình đẳng vô gián... pháp tánh bình đẳng giải thoát.

Tán: Đoạn này gồm một đôi là khổ lạc. Vô gián tức địa ngục vô gián, nêu lên nơi đau khổ nhất. Giải thoát tức Niết-bàn, nơi an lạc nhất. Dùng chân như đau khổ nhất để nhập vào chân như an lạc nhất, thể chỉ một vị. Bản xưa nói dùng tướng ngũ nghịch mà được giải thoát, nên nói là dùng tướng quả ngũ nghịch, nhập vào tướng giải thoát, tức chân như.

Kinh: Không giải thoát không trôi buộc... chẳng lìa các pháp dị sinh.

Tán: Đoạn này gồm ba đôi:

1. Giải thoát và phược. Vô lậu là giải thoát, hữu lậu là phược (trôi buộc). Chứng đắc Niết-bàn gọi là phược. Chẳng bỏ sinh tử gọi là thoát.

2. Chứng bất chứng. Thật thấy đế gọi là chứng. Cho nên không gì chẳng thấy chẳng thấy gọi là chẳng chứng. Khi chứng lý không thấy có tướng.

3. Quả phi quả. Thánh gọi là quả, thuận trụ nói sinh tử, chẳng một bề trụ nơi quả, cho nên gọi là đắc quả. Chẳng phải Thánh gọi là dị sinh; đã chứng chân đạo thì chẳng phải là dị sinh; thường giáo hóa hữu tình thích khởi phiền não, cho nên nói chẳng lìa dị sinh.

Tuy là một đôi nhưng vì hiển Đại bi, thuận trụ nơi sinh tử, nên đối với loài dị sinh, lặp lại chẳng lìa dị sinh.

Kinh: Chẳng phải Thánh... mới có thể nhận thức ăn.

Tán: Đoạn này gồm hai đôi:

1. Phàm Thánh. Đại bi là thuận phàm gọi là chẳng phải Thánh, nhưng đã chứng xuất thế, cho nên là Thánh.

2. Chứng ly, chứng tất cả các pháp gọi là thành tựu, đoạn các chấp phân biệt pháp tướng gọi là ly (lìa).

Trên nói pháp nhân duyên cho nên ở đây giải thích; hoặc ở đây đều nói Biến kế sở chấp không, vô thường... hoặc ở đây chỉ nói chân lý bình đẳng viên thành thật. Lý cũng không trái ngược,

Kinh: Thừa Tôn giả Thiện Hiện... mới có thể thọ nhận thức ăn.

Tán: Đây đoạn thứ ba tà chánh bình đẳng. Lý Không Nghĩa ghi:

“Trong thế tục đế, thì tà chánh là hai, bỏ tà về chánh; trong Thắng nghĩa đế, tà chánh không hai, thì đâu có gì là bỏ là về? Ứng Lý Nghĩa cho rằng kinh Bát-nhã nói: “Dùng sắc thấy ta, dùng âm thanh cầu ta, người ấy thuộc tà đạo, chẳng thấy được Như Lai” Đồng thể Tam bảo chẳng thấy nghe, chẳng thể phụng sự. Bản dịch xưa không có ghi Tăng. Sáu sư ngoại đạo là duyên phương tiện thù thắng để Phật được Bồ-đề, nếu ông đồng như Phật thì cũng nên xem đó là thầy. Kia còn tà kiến, thật sẽ đọa ác thú, ông vì thương xót họ cho nên cũng đọa theo để cứu giúp. Đồng Như Lai mới có thể thọ nhận thức ăn. Vì Đại Thiện Hiện xả bỏ sáu sư kia, chẳng thể theo đó mà tu học, chẳng thương xót chúng sinh đọa ác thú, thấy có Tam bảo, chẳng chứng đồng thể, cho nên nay bị quả trách. Sáu sư:

1. Mãn Ca-diếp-ba, Ca-diếp Ba là họ, Mãn là tên. Bản dịch xưa gọi là Phú-lan Ca-diếp, là ngoại đạo đoạn kiến cũng gọi là ngoại đạo không kiến.

2. Mạt-tát-yết-ly Cù-xá-ly Tử, Mạt-tát-yết-ly là tên, Cù-xá-ly là tên mẹ. Mạt-tát-yết-ly là con của Cù-xá-ly, dùng tên mẹ để phân biệt. Bản dịch xưa ghi là Mạt-già-lê Câu-xa-lê Tử, tức ngoại đạo thường kiến.

3. Tường-phê-đa Tử, Tường là tên chính, Phê-đa là tên mẹ, con của bà ấy nên gọi là Tử, như Xá-lợi Tử. Bản xưa ghi San-xà-dạ Tỳ-la-chi Tử, tức ngoại đạo khổ hạnh, ngoại đạo này cho rằng sinh tử ái nhiễm của chúng sinh đều do tham trước lạc thú mà có, nếu khéo tu khổ hạnh thì được giải thoát.

4. Vô Thắng Phát Hạt, Vô Thắng là tên, xóa tóc mặc áo vải thô cho nên gọi là Phát Hạt. Bản xưa ghi là A-kỳ-đa-xí-xá Khâm-ba-la, là ngoại đạo tự nhiên, cho rằng tất cả pháp đều tự nhiên sinh.

5. Phong-ca-diễn-na, Ca-diễn-na là họ, Phong là hình dáng, trên đầu có sừng giống như sừng trâu, cho nên lấy đó đặt tên. Bản xưa ghi là Ca-la-cưu-đa Ca-chiên-diên, ngoại đạo này thờ trời Đại tự tại, cho rằng trời Đại tự tại sinh ra các pháp.

6. Ly Hệ Thân Tử, tức ngoại đạo Ni-càn-tử. Chấp Bốn sư của mình tu khổ hạnh nên gọi là Ly Hệ, vì là con nên gọi là Thân Tử, đây là ngoại đạo chấp nhân tạo tác ở quá khứ, cho rằng tất cả pháp đều là do nhân tạo tác ở quá khứ, nay chẳng tạo nhân thì nghiệp xưa liền hết, liền được giải thoát. Bản xưa ghi Ni-kiền-đa Nhã-đề Tử.

Sáu sư này, có thuyết nói rằng khi Phật bỏ nước xuất gia đến chỗ các vị này hỏi han, họ dạy cho Phật làm thầy khổ hạnh, cho nên đặc biệt được nói đến. Nhưng Uất-đầu-lam-phất chỉ cho Phật được định Phi

tưởng, A-lam-ca-lam chỉ cho Phật được định Vô Sở Hữu Xứ, đây đều chỉ cho Phật tu lạc hạnh, chẳng phải như thuyết trên đã nói, không nên theo đó hoàn toàn.

Kinh: *Thư Tôn giả!... lia thanh tịnh.*

Tán: Đây là đoạn thứ tư, thiện ác bình đẳng, gồm mười một câu. Đoạn này có ba câu:

1. Không Lý Nghĩa ghi: “Tâm bị trói buộc thì thiện ác là hai, có việc lia ác tu thiện khác nhau, thiện ác đã chẳng hai, thì có gì là lia là tu. Ý chung như thế nhưng giải thích lại thì gồm mười một câu, trong mười một câu này thì: “Như Tu-bồ-đề, thiện ác bình đẳng là ngộ được giải không, đã không có các kiến phân biệt có thể đoạn, thì sao chẳng đọa vào các kiến thú, chẳng đến hai đạo trung và biên, mà nay có đoạn các kiến lại đến trung? Nếu không có ác đạo để nhằm chán, sao chẳng đọa vào tám nạn, chẳng được không nạn? Nếu không có tạp nhiễm để đoạn, sao chẳng đồng tạp nhiễm mà lại lia tịnh? Nếu không có Thánh hạnh để chứng, sao chẳng đồng được phước điền thanh tịnh vô tránh? Nếu không có nhân thiện ác, vì sao người không bố thí lại đọa vào ác đạo? Nếu không có hai sư tà chánh, sao chẳng cùng ma quân dất tay nhau? Nếu không có phiền não loạn, vì sao chẳng cùng nó làm bạn? Nếu không có pháp thiện ác riêng biệt, vì sao tánh phiền não chẳng phải tức tánh Tôn giả? Nếu không có đạo từ bi khác nhau, vì sao chẳng ở nơi hữu tình mà khởi ý tưởng oán hại? Nếu không có ruộng tốt Tam bảo, sao chẳng hủy báng Phật, pháp, chẳng dựa vào chúng Tăng? Nếu không có sinh tử Niết-bàn khác nhau, sao chẳng cuối cùng không có thời Niết-bàn? Ông đã chẳng như thế, chưa chứng được pháp thể bình đẳng không, làm sao có thể thọ thực suông được? Nếu có thể như thế mới có thể thọ nhận thức ăn. Ứng Lý Nghĩa ghi: “Các kiến thú tức năm kiến, vì muốn giáo hóa hạng người này, nên phải đọa vào đó, chẳng đồng phạm phu thường chấp đoạn, chẳng đồng Nhị thừa thường trụ nơi đạo. Bản dịch xưa ghi nhập vào tà kiến, chẳng nói đến kiến thú, chẳng đến bờ kia, chẳng nói trung biên. Trung biên nghĩa là bờ kia bờ này.

2. Vào tám vô hà, ở tại tám nạn cứu giúp chúng sinh, bận rộn suốt ngày không được hữu hà.

3. Tùy thuận hóa độ sinh tử, đồng với các tạp nhiễm, chẳng trụ Niết-bàn, đồng với thanh tịnh.

Kinh: *Nếu các hữu tình... phước điền thanh tịnh.*

Tán: Đoạn này có một câu. Vô tránh có hai: Lý vô tránh và sự vô tránh.

Sự vô tránh, nghĩa là phạm ý nêu lên đều thấy đồng người, chẳng thấy đồng với mình thì phiền não tạm sinh, Tu-bồ-đề đã được đệ nhất, luôn khiến cho chúng sinh chẳng sinh phiền não. Lý vô tránh chân như vô tướng, do chứng lý vô tránh thì sự mới được vô tránh, hai vô tránh này, tất cả hữu tình và tôn giả có lúc đều được, nhưng vẫn chẳng được gọi là thanh tịnh phước điền, vì chẳng thấy thật có tánh phước điền, ba luân thanh tịnh. Như Bồ-tát mới có thể như thế, còn Thanh văn thì chẳng thể làm được.

Kinh: *Các người cúng dường... làm bạn.*

Tán: Đoạn này có ba câu:

1. Người cúng thức ăn, sau sẽ được Thánh đạo, mà lại rơi vào ác đạo; giáo hóa chúng sinh khổ đau đã chẳng phải là thí điền mà lại thành tội lớn rơi vào ba ác đạo.

2. Người cúng thức ăn kia, cùng với Tôn giả và ma liên kết nhau, sớm tối chẳng rời, mà có thể điều phục chúng. Bản dịch xưa ghi làm người bạn lao nhọc, tức là làm người bạn lẫn lộn mệt nhọc trong chốn sinh tử, chẳng phải là bạn xuất thế.

3. Đi đứng nằm ngồi, luôn luôn đoạn phiền não, chẳng từng xa lìa, cho nên gọi là bạn lữ. Bồ-tát luôn dùng phân biệt làm phiền não, cho nên sẽ đoạn được. Bản dịch xưa không có ý này.

Kinh: *Tất cả phiền não... khởi tướng oán hại.*

Tán: Đoạn này gồm hai câu:

1. Tự tánh của phiền não tức chân như, đồng với tánh của tôn giả; nhất như không khác.

2. Khởi tướng oán hại hữu tình; oán tức là đối, tự tu diệu hạnh lợi sinh gọi là đối, hại tức đoạn, sát, tức đoạn trừ các nghiệp quả phiền não sinh tử lưu chuyển của chúng sinh, luôn luôn khởi tướng này. Như luận Nhiếp Đại Thừa nói mười hạnh khó làm, nghĩa là các Bồ-tát giết các sinh tử lưu chuyển của chúng sinh. Chúng sinh chẳng để cho Bồ-tát cưỡng nhiếp phục nên gọi là bất dữ thủ, ở đây cũng như thế. Bản dịch xưa ghi: “Ngài và các chúng ma cùng trần lao”, ý cũng không khác, vì pháp tánh không khác.

Kinh: *Khinh chê chư Phật... mới có thể thọ nhận thức ăn.*

Tán: Đoạn này có hai câu:

1. Bài báng Phật, nói Phật sắc thanh, chẳng phải là Phật chân thật, nói lý pháp thân mới là Như Lai. Nhị thừa nói hình tướng sắc thanh là chân Phật, cho nên ở đây bài báng, gọi là bài báng Phật.

2. Hủy chư pháp, hủy báng tất cả các ác pháp sinh tử, nói chân như

là chân pháp, lý pháp bốn đế chẳng phải là chân pháp. Nhất thừa nói đó chẳng phải chân, mà nói pháp cứu cánh, nên gọi đó là hủy pháp. Chẳng dựa vào hàng tăng số, cạo tóc đắp y, khát thực, thọ tịnh giới, yết-ma... đều gọi là tăng số. Thường ở nơi sinh tử, tùy loại hóa sinh chẳng bị câu thúc nơi tướng kia, gọi là chẳng dựa số.

Hai rốt ráo không có thời Bát-niết-bàn, Bồ-tát phát nguyện độ hết tất cả chúng sinh mới nhập Niết-bàn, nhưng cõi chúng sinh không bao giờ cùng tận, cho nên Bồ-tát rốt ráo không nhập Niết-bàn; còn hành Nhị thừa thì thân diệt tận, tức vĩnh viễn không còn gì. Hoặc cho rằng tất cả gồm mười câu, hai câu trong đoạn này hợp thành một câu. Nếu có đầy đủ các nghĩa đã nói ở trên thì bậc Đại Bồ-tát mới có thể thọ nhận thức ăn, mới là chân phước điền. Nếu chẳng như thế thì đâu có thể luống nhận thức ăn của người. Ở đây mới bình đẳng đều là mật ngữ. Như Khế kinh nói “Biết chẳng cứng là cứng, khéo trụ nơi điền đảo...”, ý của bài tụng không khác, nhưng nghĩa môn nói ở trên căn cứ theo Biến kế sở chấp nói chân như diệu lý, Y tha hư huyền; Duy thức vô tướng, chân như pháp môn cả hai đều bình đẳng cho nên có thuyết này. Lời giải thích trước là căn cứ vào pháp môn nhân duyên nên không trái nghịch.

Kinh: *Bạch Thế Tôn! Lúc bấy giờ... con muốn ra khỏi nhà ông ấy.*

Tán: Từ đây trở xuống là phần thứ hai nói về tự mình mê ví như có người đang đi trên đường vì trời quá mờ tối làm ngăn ngại lạc mất phương hướng. Lúc bấy giờ con cũng như thế, tâm bị che khuất chẳng biết ông ấy nói lời gì và chẳng biết đáp như thế nào, muốn bỏ bát đi ra khỏi nhà ông ấy.

Kinh: *Lúc bấy giờ, Vô Cấu Xưng... nên nhận lại bát chớ kinh sợ.*

Tán: Đây là phần thứ ba nói về Vô Cấu Xưng an ủi, gồm có hai câu: Đầu tiên là an ủi, sau cùng là hỏi. Đây là câu đầu.

Kinh: *Vì sao?... há có kinh sợ chẳng?*

Tán: Đây là lời hỏi. Nếu Đức Phật hóa làm một hóa nhân đến han hỏi thì có kinh sợ chẳng? Ta do pháp thân Như Lai biến hóa ra hỏi việc này có gì sợ?

Kinh: *Con nói chẳng sợ.*

Tán: Đây là đoạn thứ tư nói về lời đáp, nghĩa là hóa nhân có hỏi ta chẳng từng sợ.

Kinh: *Vô Cấu Xưng nói rằng... tánh tướng cũng như thế.*

Tán: Đây là phần thứ năm thuật về lời dạy của ông Vô Cấu Xưng, gồm có hai: Đầu tiên khuyên chớ nên kinh sợ, sau đó là chỉ bày chánh lý. Trong đoạn thứ nhất chia làm hai, thứ nhất là tổng hợp tướng giáo

hóa nói ở trước, kể đó là khuyên chớ kinh sợ. Các pháp được nói ra đều như huyền hóa vốn chẳng phải chân thật. Chúng sinh năng thuyết và ngôn ngữ sở thuyết cũng như thế, chẳng phải chân thật.

Kinh: *Những người có trí... cũng không sợ hãi.*

Tán: Đây là lời khuyên chẳng nên kinh sợ. Văn tự như huyền hóa, người trí chẳng nên chấp cho là chân thật, nếu nghe văn tự cũng chẳng nên sợ hãi, ông là người có trí sao lại kinh sợ?

Kinh: *Vì sao?... đều lìa tánh tướng.*

Tán: Từ đây xuống là chỉ bày chánh lý, gồm có ba:

1. Lời nói lìa tánh tướng.
2. Văn tự cũng lìa.
3. Kết luận thành tựu các pháp.

Đây là đoạn văn thứ nhất chỉ bày vì sao chẳng sợ hãi văn tự. Lý Không Nghĩa ghi: “Trong Thắng nghĩa đế, thể của tánh tướng đều không, ngôn thuyết chỉ do hư vọng sinh khởi, cho nên lìa tánh không chẳng xứng hợp với lý, sao lại phải sợ”. Ứng Lý Nghĩa ghi: “Tánh tướng của Thắng nghĩa, thể đều ly ngôn giả lập danh ngôn, chẳng xứng hợp pháp tánh, cho nên các ngôn thuyết đều lìa tánh tướng; đã là hư giả thì có gì phải sợ hãi.

Kinh: *Vì sao?... tức là giải thoát.*

Tán: Đây là phần thứ hai nói về văn tự cũng lìa. Không Lý Nghĩa ghi: “Không chỉ các pháp không, vô tánh được nói ra lìa văn tự mà danh tự ngữ ngôn cũng lìa. Ứng Lý Nghĩa ghi: “Không chỉ tánh tướng các pháp có không được nói ra lìa ngôn ngữ, mà ngay ngôn ngữ cũng lìa ngôn ngữ. Hoặc cho rằng ở đây không chỉ nói lý lìa tánh, mà căn cứ vào đó văn tự cũng lìa tánh tướng.” Đối với âm thanh năng thuyên thì tướng ngắn nhất gọi là chữ (tự), vừa thì gọi là danh và dài thì gọi là câu. Các tướng danh tự ngôn cũ đều là giả lập bày, thể không chân thật. Pháp đã chẳng phải pháp, chẳng phải chẳng pháp, lời cũng chẳng phải lời, chẳng phải chẳng lời, lời đã chẳng phải lời chẳng phải chẳng lời thì văn tự cũng chẳng phải văn tự chẳng phải chẳng văn tự. Đoạn trừ định chấp văn tự, cho nên chỉ nói chẳng phải. Trong tất cả pháp, sự ly ngôn tức là Y tha khởi, lý ly ngôn tức là giải thoát Niết-bàn chân như. Không Lý Nghĩa ghi: “Tất cả pháp và văn tự tánh không tức là thể của Niết-bàn giải thoát”.

Kinh: *Tướng giải thoát tức là tất cả pháp.*

Tán: Đây là đoạn tổng kết thành tựu các pháp. Không Lý Nghĩa ghi: “Giải thoát Niết-bàn tức là bản tánh không của tất cả pháp”. Ứng Lý Nghĩa ghi: “Lý ly ngôn trong tất cả pháp tức là giải thoát, giải thoát

tức là bản tánh các pháp. Cho nên gọi là tức. Bản dịch xưa tại đây chỉ nói ngôn thuyết tánh ly, không nói pháp tánh đối với văn tự.

Kinh: *Đức Thế Tôn... được thuận pháp nhãn.*

Tán: Đây là đoạn thứ sáu nói về lợi ích, có hai:

1. Được quả nhỏ, tức hai vạn Thiên tử xa lìa trần cấu, được pháp nhãn tịnh chứng quả Dự Lưu, như luận đã giải thích.

2. Được quả vị lớn tức là năm trăm Thiên tử được thuận pháp nhãn.

Có người nói rằng Sơ địa được nhãn thuận chánh giáo pháp, có người nói Địa thứ tám mới được. Bản định xưa không có ý này. Pháp nhãn tịnh, có người cho rằng ở Sơ địa, tức trái với văn của luận, vì xa lìa trần cấu, nói là quả nhỏ. Nay giải thích đúng nghĩa thì Vô sinh pháp nhãn Sơ địa đã đạt được, nay nói thuận nhãn tức trước mười Địa được thiện căn nhãn vị, hữu lậu nhãn vị, thuận tuệ nhãn. Hoặc cho rằng Thuận nhãn thứ ba trong năm nhãn, Địa thứ tư, năm, sáu thuận đạo xuất thế.

Kinh: *Lúc bấy giờ, con im lặng... không kham nhận đến thăm bệnh ông ấy.*

Tán: Kết luận nguyên do từ chối. Tự thân kém cỏi xin thoái lui. Thần khí của ta đã cháy tiêu tan, thì nay đâu dám đối đáp.

Kinh: *Bấy giờ, Đức Thế Tôn... đến đó thăm bệnh.*

Tán: Thứ năm, Đức Phật sai bảo Mãn Từ Tử. Đầu tiên sai bảo, sau từ chối. Đây là lời sai bảo. Mãn là tên, Từ là họ của mẹ, Tôn giả Mãn này do Từ mà sinh ra, nên gọi là Tử. Âm Phạm là Mai-đát-lợi-da, Hán dịch là Từ, mẹ của Tôn giả thuộc dòng Bà-la-môn. Xưa có một vị Tiên thường tu tập hạnh Từ, sau vẫn kế thừa như thế, cho nên lấy Từ làm họ, người mẹ lúc ấy không có con, đến đó cầu xin, một đêm nằm mộng thấy một vật báu chứa đầy châu ngọc đặt bên người, ánh sáng chiếu nhập vào bụng. Sáng dậy nói với chồng: “Ắt là trời cho vật báu”. Quả thật sau đó có thai, sinh ra ngài. Thầy tướng đến xem và nhân đó mà đặt tên là Mãn. Lớn lên tụng thuộc luận Tỳ-già-la, hạnh từ cũng viên mãn. Sau xuất gia, chứng quả A-la-hán, luận nghị biện tài là đệ nhất. Cho nên Đức Phật mới sai bảo.

Kinh: *Bấy giờ, Mãn Từ Tử... đến thăm bệnh ông ấy.*

Tán: Từ đây trở xuống là phần từ chối, gồm có ba. Đây là nói chung về đạo đã bị khuất phục. Mãn Từ thuyết pháp lợi ích các người mới học, nói pháp Tiểu thừa chẳng nói Đại thừa, chẳng biết tâm cơ, xưa đã bị trách, vì thế nay từ chối.

Kinh: *Vì sao?... thuyết pháp cho các Tỳ-kheo mới học nghe.*

Tán: Sau đây là phần hiển bày lý đã cùng tận. Đầu tiên tự hỏi, sau là giải thích. Trong phần giải thích lại chia hai:

1. Nêu việc của mình.
2. Thuật lại lời của Vô Cấu.

Đây là đoạn tự hỏi và nêu việc của mình. Hàng sơ cơ mới học, xưa nay trí còn ngăn ngại, cho nên thuyết pháp nhỏ, khiến họ dần dần thuận theo.

Kinh: *Bấy giờ, Vô Cấu Xung... mà nói rằng.*

Tán: Đây là thuật lại lời của Vô Cấu, gồm hai: Đầu tiên nêu phép tắc đến diện kiến, kế đó là chính thức trình bày. Đây là văn đầu tiên.

Kinh: *Thưa Mãn Từ Tử... đặt vào bát báu.*

Tán: Trình bày có hai: Đầu tiên trách Mãn Từ Tử làm không đúng, sau khiến được lợi ích.

Trong phần đầu lại có hai: Đầu tiên trách chẳng biết hôm nay, sau là trách chẳng biết ngày xưa, tức là câu “Tôn giả Mãn Từ Tử! Các Bí-sô này đều từ xa xưa...” Trong đoạn trách chẳng biết hôm nay, lại có ba: Đầu tiên nói chẳng biết tâm, kế đến nói chẳng biết ý lạc, sau cùng trách chẳng biết căn. Trong ba luân, thứ hai là ký tâm luân, tức người đã nhập vào pháp dùng tha tâm trí, trước quán tâm của người, sau đó mới thuyết pháp giáo hóa. Quán tâm là tổng. Trong mười trí lực cũng có Chủng, Chủng thắng giải trí lực, cho nên trước trách chẳng biết tâm mà thuyết pháp. Trong đoạn ngài Mục-liên ở trước đã nói nên biết căn tánh sai biệt mà thuyết Đại thừa, nói với Mãn Từ Tử trước nên nhập định, quán tâm của người; tâm hạnh của họ là Đại thừa, giống như Bát báu, thuyết giáo Tiểu thừa giống như đặt vào đó thức ăn dở.

Kinh: *Trước nên biết rõ... viên thủy tinh tâm thường dễ vỡ.*

Tán: Đây là khuyên nên biết ý lạc. Ý lạc tin hiểu pháp Đại thừa. Ý lạc Đại thừa như hạt châu lưu ly vô giá, ý lạc Tiểu thừa như viên thủy tinh tâm thường. Nay cho đại cơ đồng với tiểu cơ cho nên nói lưu ly đồng thủy tinh. Trước đặt tiểu pháp vào đại tâm, như đặt thức ăn dở vào bát báu. Ở đây cho tiểu tâm đồng đại tâm, cho nên dụ lưu ly đồng thủy tinh. Bản xưa nói tâm niệm, tức ý lạc.

Kinh: *Thưa Tôn giả Mãn Từ Tử!... một phần căn tánh thọ pháp.*

Tán: Đây là đoạn trách chẳng biết căn, gồm có ba: Đầu tiên trách chẳng biết căn, kế đó nêu nguyên do trách, sau cùng là hiển thị Đại tiểu xưa nay cách biệt. Đây là văn đầu, vật tức là chẳng nên. Tức chẳng nên chưa quán căn cơ mà trao cho Tiểu thừa, Tiểu thừa chỉ là pháp mà một phần nhỏ căn tánh của họ thọ nhận, chỉ là tự lợi chẳng phải lợi tha,

là hạnh nhỏ chẳng phải hạnh lớn. Bản dịch xưa đoạn văn này hơi khác nhưng ý vẫn đồng.

Kinh: *Họ vốn chẳng thương tổn... chẳng nên chỉ đường nhỏ.*

Tán: Hiển nguyên do chê trách. Nguyên do có hai:

1. Phát tâm Tiểu thừa, như ung như nhọt, bại hoại thanh danh, chẳng thể cứu nạn cho người, người không có tâm này mà trao cho họ Tiểu thừa, người không thương tổn chớ làm họ thương tổn.

2. Căn cơ của họ lanh lợi, cầu hành đạo Đại thừa cho nên chẳng được dùng đạo Tiểu thừa chỉ dạy, khiến cho họ lầm lẫn tu học, một là tổn hại đến họ; hai là làm họ lầm lẫn. Do hai nguyên do này mà chê trách là chẳng biết căn cơ.

Kinh: *Không nên dùng ánh sáng mặt trời... đồng với tiếng của dã can.*

Tán: Đây là hiển thị Đại Tiểu xưa nay cách biệt gồm có bốn dụ, bản xưa có hai. Đại thừa như ánh sáng mặt trời chiếu khắp quần sinh, Tiểu thừa như lửa đom đóm chiếu sáng tự thân vẫn chưa đủ. Pháp Đại thừa như biển lớn sâu rộng vô biên, căn cơ Tiểu thừa như dấu chân trâu cạn nhỏ. Đại thừa như núi chúa sừng sững cao vút, Tiểu thừa như hạt cải nhỏ bé thấp kém. Đại thừa như tiếng rống sư tử, quyết định vô úy, Tiểu thừa như tiếng kêu của dã can, vì sợ hãi người. Thứ nhất là dụ lợi ích lớn, thứ hai là dụ sâu rộng, thứ ba là dụ cao tột, thứ tư là dụ vô úy. Hoặc cho rằng thứ nhất và thứ tư là dụ cho việc Đại hơn Tiểu, người có căn cơ Đại thừa thì chẳng nên trao cho pháp Tiểu thừa. Thứ hai và thứ ba dụ cho Đại hơn tiểu, người có căn cơ Tiểu thừa chẳng nên trao cho pháp Đại thừa, nên hợp cơ mà trao cho pháp.

Kinh: *Thưa Tôn giả Mãn Từ Tử!... pháp Thanh văn thừa.*

Tán: Đoạn này là trách chẳng biết ngày xưa, gồm có hai: Đầu tiên nói về chỗ chẳng biết, sau nói về hay không biết.

Đây là đoạn thứ nhất, kỳ tức là cầu. Hạng Tỳ-kheo mới học này, khi xưa đã hưởng đến Đại thừa, tâm cầu Đại Bồ-đề, nhưng chưa đến vị Bất thoái, giữa đường quên tâm này, như thế vì sao hôm nay lại trao cho họ pháp Tiểu thừa. Cho nên đoạn trên kinh ghi: “Chớ dùng thức ăn dở mà đặt vào bát báu”.

Kinh: *Ta quán Thanh văn... hơn cả người mù bẩm sinh.*

Tán: Đoạn này là nói về hay chẳng biết. Đầu tiên nói cái có được, sau nói cái không có được. Đoạn này là nói cái có được. Trí tuệ của Thanh văn cạn thấp hơn cả người mù bẩm sinh. Hỏi: Kinh Thắng Man ghi: “Phàm phu như người mù bẩm sinh, chẳng thấy các hình sắc, Thanh

vẫn như đứa bé mới sinh bảy ngày, chẳng thấy mặt trời”; vì sao nay lại nói Thanh văn hơn người mù bẩm sinh? Nếu thấy đế lý thì phàm phu không thể có, cho nên kinh kia nói giống như người mù bẩm sinh. Thanh văn được một phần, cho nên kinh kia nói giống như đứa bé sinh được bảy ngày chẳng thấy ánh sáng mặt trời. Ở đây nói Thanh văn chẳng biết căn tánh, cho nên hơn cả người mù bẩm sinh. Thanh văn không thể liễu đạt sự hơn cả người mù bẩm sinh, chứ không phải nói về đế lý.

Kinh: *Không có Đại thừa... các căn lợi độn của hữu tình.*

Tán: Đây là nói về cái chẳng có. Bạc Đại thừa có diệu trí quán căn tánh, cho nên có thể phân biệt được căn lợi độn ở đời trước, hàng Thanh văn thì không có diệu trí quán xét căn cơ này, cho nên không thể biết được các căn lợi độn. Như ngài Xá-lợi-phất dạy hai đệ tử, con của người thợ vàng thì dạy quán xương trắng, con của người giặt áo thì dạy quán sỏi tước. Cũng như quán đứa bé hành khát thấp hèn nhất ở tám vạn kiếp trước đã tu tập Bồ-đề, mà đều chẳng biết. Bản dịch xưa chỉ có ghi: “Bất thức” mà không có nói đến trí Đại thừa.

Kinh: *Lúc bấy giờ, Vô Cấu Xưng... nhớ lại vô lượng túc trụ sai biệt.*

Tán: Đây là nói về lợi ích, gồm có ba: Đầu tiên khiến nhớ lại việc xưa, kế đến dạy phát tâm Đại thừa, sau cùng là khiến đạt được giai vị thù thắng.

Trong phần đầu lại gồm hai:

1. Nêu chung việc nhớ nghĩ.
2. Nêu riêng việc nhớ nghĩ.

Đây là văn thứ nhất, Tam-ma-địa, Hán dịch là đẳng trì, tức thiền định, dùng thiền định hiển thị thần thông, túc trụ trí lực, khiến các Bí-sô theo đó nhớ lại kiếp quá khứ. Cũng có thuyết giải thích rằng: Trong đời quá khứ tuy chỉ chung cho bốn kiếp thành, trụ, hoại, không. Nhưng kiếp không thì không có sự việc, kiếp thành kiếp hoại là trước và sau kiếp trụ. Chỉ có kiếp trụ việc thiện ác rõ ràng nên được cho nêu lên. Nhưng gọi là túc trụ là gồm cả thành hoại. Nay theo thật nghĩa thì trụ chẳng phải là kiếp trụ; trụ nơi sự việc ở đời quá khứ lâu xa nên gọi là túc trụ, thành, hoại, trụ kiếp, đều ở trong đó, chẳng nên giải thích mà phương ngại. Bản dịch xưa ghi: “Bấy giờ, Duy-ma-cật liền nhập Tam-muội”, đâu từng chẳng nhập mà nay mới nhập? Hiển thị tướng nay mới nhập, cũng không ngại.

Kinh: *Từng ở nơi quá khứ... tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác.*

Tán: Đoạn này là nói riêng về việc nhớ nghĩ, gồm có bốn:

1. Gặp duyên lành ở nơi năm trăm Đức Phật.
2. Phát nhân Đại thừa, trồng các căn lành.
3. Tu hạnh Đại thừa, tích tập đắc thù thắng.
4. Mong cầu quả Đại thừa, hồi hướng Bồ-đề.

Bản dịch xưa chỉ ghi ba việc, tức hợp thứ hai, thứ ba làm một.

Kinh: *Tùy nhớ lại như thế... dành lễ chân bực Đại sĩ.*

Tán: Đây là đoạn văn thứ hai, dạy phát tâm Đại thừa. Nói các việc trước kia, nay tiếp nối các tâm khi xưa cho nên có thể phát tâm Đại thừa. Mới vào Phật pháp, chưa hiểu quy tắc, nên vừa nghe diệu lý liền hoảng hốt sai lầm, bỏ quy tắc chánh của người xuất gia mà lễ chân thấp kém của Đại sĩ.

Kinh: *Lúc bấy giờ, Vô Cấu Xung... lại không thoái chuyển.*

Tán: Từ đây trở xuống là phần thứ ba, khiến cho được quả vị thù thắng. Bất thoái chuyển, tức làm cho đạt đến vị Bất thoái ở trụ thứ bảy trong mười trụ, vĩnh viễn chẳng lui sụt làm Nhị thừa. Kinh ngũ giới Ưu-bà-tắc nói Xá-lợi Tử tu đạo Đại thừa sáu mươi hai kiếp rồi, nhân sau bố thí mất mà thoái lui làm Nhị thừa. Vì thế kinh Pháp Hoa gọi là giáo hóa Thanh văn thoái tâm Bồ-đề, khiến cho họ chẳng bị lui sụt, cho nên biết là đến trụ thứ bảy. Đây chẳng phải là tín bất thoái, vì lòng tin đã có từ lâu, cũng chẳng phải là chứng, hành bất thoái, vì đây còn gọi là sơ học.

Kinh: *Bạch Thế Tôn! Lúc bấy giờ, con nghĩ rằng... vì họ thuyết pháp.*

Tán: Đoạn này nói về nguyên do từ chối, tự thân thua kém xin thoái lui, gồm ba:

1. Nói về trí kém.
2. Giải thích nguyên do.
3. Tổng kết.

Đây là văn thứ nhất, tất cả Thanh văn chẳng biết căn tánh, nếu chẳng bạch Phật thì chẳng nên thuyết pháp, lầm lẫn căn cơ, thì không lợi ích.

Kinh: *Vì sao?... như Phật Thế Tôn.*

Tán: Giải thích nguyên do hàng Thanh văn, chẳng có thể thường trụ trong định như Đức Thế Tôn, cho nên chẳng thể biết các căn thắng hay liệt, còn Phật thì hằng ở trong định, cho nên có thể biết căn, biết căn là do Tha tâm trí, Tha tâm trí khởi ắt phải có định.

Kinh: *Cho nên con chẳng kham nhận đến thăm bệnh ông ấy.*

Tán: Đây là đoạn tổng kết.

Kinh: *Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn... đến vấn an bệnh ông ấy.*

Tán: Đây là lần thứ sáu, Đức Phật sai bảo Đại Tiễn Thế Nam. Đầu tiên là sai bảo sau là từ chối. Đây là lời sai bảo. Ma-ha là Đại; Ca-đa-diễn, Hán dịch là Tiễn Thế, một pháp Bà-la-môn kiêng kỵ cắt râu tóc, lấy việc bất tịnh để hiển thị các vật dơ uế làm nhiệm ô hạnh thanh tịnh. Vào thời quá khứ lâu xa có rất nhiều vị tiên sống nơi núi rừng đã lâu, râu tóc rất dài, không người cắt bỏ cho họ. Lúc bấy giờ có một vị tiên, vốn đã có hai người con, hai người này đều đến thăm cha, người con lớn xấu hổ không chịu cắt tóc cho cha, người em có tâm Từ hiếu nên cạo sạch râu tóc cho cha mình, các vị tiên khác cũng nhờ người này cắt bỏ râu tóc. Người cắt tóc này được các vị tiên hộ niệm nên được giàu có và về sau cũng thành tiên. Nhân đó mà lấy làm họ, nay vị đệ tử này thuộc dòng dõi vị tiên kia, cho nên gọi là Tiễn Thế. Vị này có đầy đủ thần thông. Vì phân biệt với các vị kém nhỏ khác cho nên gọi là Đại. Na tức là lời biểu thị cho người nam, cha và bản thân đều thuộc dòng dõi ấy cho nên dùng từ Nam để biểu thị, đây là phân biệt mà nói vậy. Ở Ấn Độ cũng có nơi lấy theo họ mẹ, như Mãn Từ Tử mẹ thuộc dòng Bà-la-môn họ là Di-lặc. Tùy theo họ tốt đẹp của cha mẹ mà đặt theo.

Kinh: *Ca-đa-diễn-na... đến thăm bệnh ông ấy.*

Tán: Đoạn này là nói về việc từ chối, gồm có ba: Đây là phần nói chung về đạo đã bị khuất phục, ngài Ca-chiên-diên theo lời Phật thuyết an lập để chẳng khế hợp phi an lập để, cho nên bị quở trách. Trí hiện đã kém thua cho nên nói đạo bị khuất phục.

Kinh: *Vì sao?... liền nhập tĩnh trụ.*

Tán: Đây là nói về lý cùng tận. Đầu tiên tự hỏi, sau là giải thích, trong phần giải thích lại có hai:

1. Nêu việc của mình.
2. Thuật lại lời của Vô Cấu Xưng.

Trong đoạn một thì đầu tiên hiển về chỗ tùy thuận, sau hiển hay tùy thuận (năng tùy, tha tùy) Đây là lời tự hỏi và nói về chỗ tùy thuận. Liền vào tĩnh trụ, trụ có ba:

1. Thánh trụ tức là ba môn giải thoát và diệt định, Đức Phật trụ ở không và diệt định.
2. Thiên trụ tức bốn tĩnh lự, Đức Phật phần nhiều trụ ở tĩnh lự thứ tư.
3. Phạm trụ tức Từ, Bi, Hỷ, Xả, Phật phần nhiều trụ ở đại bi. Nay nói tĩnh trụ, tức trụ không hoặc diệt định, vì nương vào định

thứ tư mà trụ cho nên gọi là tĩnh trụ.

Kinh: *Về sau con... nghĩa tịch diệt.*

Tán: Đây là hiển năng tùy. Có thể tùy theo sau Phật mà nói diệu pháp. Nay nói trong an lập đế lý, bốn đế lý đầu là khổ đế lý, một đế lý sau là diệt đế lý, tức muốn khiến chán khổ thích diệt. Quyết trạch tức quyết liễu giản trạch giải thích (phân biệt rõ ràng để giải thích). Năm uẩn sinh diệt là sự vô thường, lý sinh diệt là nghĩa vô thường, nghĩa là nghĩa lý, sau là căn cứ theo tri để giải thích, tánh uẩn bức bách gọi là sự khổ, lý bức bách gọi là nghĩa khổ; uẩn chẳng phải thật có gọi là sự không; lý chẳng phải thật có gọi là nghĩa không. Trong uẩn vô ngã gọi là sự vô ngã, lý vô ngã gọi là nghĩa vô ngã. Các hành vắng lặng không có diệt để hiển gọi là sự diệt đế, lý tịch diệt này gọi là nghĩa tịch diệt. Năm tướng này đều tùy theo sự biến hiện của tâm mà có nên gọi là an lập. Kinh Thắng Man nói: “Bốn đế có tạo tác”.

Kinh: *Lúc bấy giờ, Vô Cấu Xưng... liền nói rằng.*

Tán: Đoạn này thuật lời nói của Vô Cấu Xưng, gồm có hai, đầu tiên nói về phép tắc diện kiến, sau là chính thức trình bày. Đây là lời văn đầu tiên.

Kinh: *Thưa đại Tôn giả... Thuyết về pháp thật tướng.*

Tán: Đây là đoạn chính thức trình bày về lời của ngài Vô Cấu Xưng, gồm có ba:

1. Bài bác chung.
2. Bài bác riêng.
3. Lợi ích.

Đây là văn đầu. Không Lý Nghĩa ghi: “Năm thật nghĩa này, bản tánh đều không, tánh lìa ngôn ngữ, chẳng thường chẳng phải vô thường, chẳng khổ chẳng phải chẳng khổ, chẳng không chẳng phải chẳng không, chẳng ngã chẳng phải vô ngã, chẳng tịch diệt chẳng phải chẳng tịch diệt, đây là trừ chấp thường... mà nói vô thường... chẳng phải có thật vô thường... trong chân thắng nghĩa. Cho nên chư Phật, hoặc nói ngã hoặc có lúc nói vô ngã, nhưng thật tướng các pháp thì không có ngã không có vô ngã. Nay nói nhất định có nghĩa vô thường, vì thế bị quở trách, vì dùng tâm hành sinh diệt thuyết pháp thật tướng”. Ứng Lý Nghĩa ghi: “Năm thật nghĩa này, tánh tức chân như duyên với tâm này, vô phân biệt trí duyên với chân như chẳng sinh chẳng diệt là cảnh. Nay lại dùng tâm hành phân biệt duyên với đế lý sinh diệt có tạo tác mà thuyết pháp chân như thật tướng, thì thật không thích hợp, cho nên nói là “không nên dùng”.

Kinh: *Vì sao?... là nghĩa vô thường.*

Tán: Đây là phần nói về bài bác riêng. Năm phi (năm điều chẳng phải) là năm pháp phi vô thường. Không Lý Nghĩa ghi: “Tục đế có tướng, vì có quá khứ, nên có đã sinh đã diệt, vì có hiện tại, nên có nay sinh nay diệt; vì có vị lai nên có sẽ sinh sẽ diệt. Vì biết thắng nghĩa vô thường là vô tướng, tất cả đều không, ba đời vốn không, thì đâu có gì là sinh. Thấu đạt được lý này thì thường kiến tự tiêu, cho nên thế tục vô thường này là chân lý thắng nghĩa. Ứng Lý Nghĩa ghi: “Chư Phật đạt được đạo lý thắng nghĩa rốt ráo, trong chân như vốn không có ba thời, thì chỗ nào mà có quá khứ đã sinh, hiện tại đương sinh và vị lai sẽ sinh, quá khứ đã diệt hiện tại đang diệt và vị lai sẽ diệt, cho nên vô sinh... là lý thắng nghĩa chân vô thường, chẳng đồng với lý an lập có sinh diệt là nghĩa vô thường. Nay dùng lý chân như thường làm năng thuyên để trình bày nghĩa sở thuyên sinh diệt vô thường, cho nên nói chẳng sinh chẳng diệt là nghĩa vô thường, thể của chân như là thường. Vì ngăn chấp thường, hiển bày vô thường gọi là nghĩa vô thường gia. Kinh Niết-bàn ghi: “Có khổ, có đế, có thật”. Khổ nghĩa là sự khổ, đế là lý khổ, thật là chân như, hàng Thanh văn có khổ đế mà không có thật, chẳng liễu đạt được chân như phi an lập, chỉ đạt được sự và lý an lập mà thôi. Do đó chân như nương vào ngôn ngữ để hiển bày là nghĩa vô thường.

Kinh: *Thấu suốt được năm uẩn... là nghĩa khổ.*

Tán: Không Lý Nghĩa ghi: “Tục đế có khổ, vì có tướng; Thắng nghĩa vô tướng, bản tánh chẳng phải có. Vì phá chấp lạc mà nói khổ. Cho nên thấu suốt được năm uẩn vốn không, không từ đâu khởi là nghĩa chân khổ”. Ứng Lý Nghĩa ghi: “Năm uẩn tánh không, tức là chân như, tánh biến kế sở chấp không, tánh chẳng phải không. Đạt được lý này thì biết được bản chân, không do đâu khởi. Nương vào ngôn từ để hiển rõ sự chân thật gọi là nghĩa khổ, là thật của khổ.

Kinh: *Các pháp rốt ráo... là nghĩa không.*

Tán: Lý Không nghĩa ghi: “Thế tục đế thì có, thắng nghĩa đế thì không. Trong đạo rốt ráo đều vô sở hữu, đây là nghĩa không. Không tức là vô. Ứng Lý Nghĩa ghi: “Trung các pháp, rốt ráo là chân như, không có như được chấp; các pháp có nhân nơi không mà hiển, nên nói là nghĩa không”

Kinh: *Biết ngã và vô ngã... là nghĩa vô ngã.*

Tán: Không Lý Nghĩa ghi: “Biết bản tướng của Thắng nghĩa đế đều không, thì thể của ngã và vô ngã xưa nay bất nhị. Vì phá điên đảo ngã, cho nên nói vô ngã là nghĩa vô ngã. Ứng Lý Nghĩa ghi: “Biết nơi

chân như không có tướng ngôn thuyết phân biệt; ngã và vô ngã xưa nay không hai, vì phá ngã, cho nên hiển vô ngã, đó là nghĩa vô ngã”.

Kinh: *Không có tự tánh... là nghĩa tịch diệt.*

Tán: Không Lý Nghĩa ghi: “Tất cả pháp trong thắng nghĩa để không tự tác dụng, cho nên không tự tánh, không do pháp khác tác dụng, cho nên không phải tha tánh, pháp do nhân duyên sinh, đều nói là không. Do đó nói không có sinh tử rõ ràng, sinh tử đã không thì cũng không có Niết-bàn, hôm nay vô đã diệt, Niết-bàn đã không cho nên không có thể tịch tĩnh, cũng không có phiền não. Diệt do rốt ráo tịch tĩnh hiển bày, đã thế đều không vì sự đã rốt ráo tịch tĩnh. Thánh giáo ghi: “Dù cho có một pháp nào hơn cả Niết-bàn, thì ta cũng nói là như huyễn như hóa”, lý không này là nghĩa tịch diệt, không thật có Niết-bàn để được. Do đó mà trung luận bách luận có phẩm phá Niết-bàn. Ứng Lý Nghĩa ghi: “Trong Thắng nghĩa để, các pháp hữu vi chẳng tự sinh, không có tự thật tánh; chẳng từ pháp khác sinh nên chẳng có tha thật tánh; chẳng do cộng sinh, nên chẳng có hai thật tánh trên. Tuy không có duyên tác dụng nơi đây, nhưng lại có công năng duyên có thể được. Đó đó mà không có sinh tử rõ ràng. Sinh tử đã không, cũng không thật diệt. Chân lý vốn diệt, chẳng phải nay mới diệt, cũng không có tự thể thật tịch tĩnh. Vì phiền não rốt ráo tịch tĩnh có thể làm cho hành giả rốt ráo tịch tĩnh, đó mới là nghĩa thật tịch diệt, gọi là Đại Niết-bàn, chẳng phải là giả Niết-bàn của Tiểu thừa.

Kinh: *Khi thuyết pháp này... tâm được giải thoát.*

Tán: Đoạn này là nói về lợi ích. Được quả A-la-hán như trước đã nói.

Kinh: *Bạch Thế Tôn! Lúc bấy giờ, con... không kham nhận đến thăm bệnh ông ấy.*

Tán: Kết luận nguyên do từ chối, tự thân sút kém xin thoái lui.

Kinh: *Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn... vẫn an bệnh của ông ấy.*

Tán: Đây là lần thứ bảy, Đức Phật bảo Vô diệt. Đầu tiên là sai bảo, sau là từ chối. Đây là văn đầu, lời sai bảo: Tiếng Phạm A-ni luật-đà, Hán dịch là Vô diệt. Tương truyền giải thích rằng: “Trước đây tám vạn kiếp, từng cúng dường một vị Bích-chi-phật, thiện căn đạt được, đến nay vẫn không hết cho nên gọi là Vô Diệt. Kinh Thí Dụ ghi: “Sau khi Đức Phật Tỳ-bà-thi nhập Niết-bàn, A-na-luật là một kẻ trộm, lén vào Phật đường thấy đèn sắp tắt, bèn rút một mũi tên khêu đèn sáng lên, bỗng thấy Đức Phật uy nghiêm rực rỡ, nên sắc mặt tỏ vẻ kinh sợ, nghĩ rằng: “Người kia còn xả bỏ các vật để cầu phước, vì sao ta lại

trộm cắp”, do đó mà bỏ đi. Do thiện căn này, trong chín mươi mốt kiếp thường sinh vào cõi lành. Ngày hôm nay gặp ta được Thiên nhân. Phước quả đạt được, chưa từng bị diệt nên gọi là Vô Diệt. Vả lại A-na-luật lại là anh em chú bác với Đức Phật, kinh truyền rằng: “Cha và chú của Thế Tôn gồm bốn người:

1. Tịnh Phạn vương, có hai người con, con trưởng tên là Tát-phước-hạt Thích-tha-tát-đà, Hán dịch là Nhất Thiết Nghĩa Thành, tức là Phật, con thứ tên Nan-đà.

2. Hộ Phạn vương, có hai người con, con trưởng tên Thiên Thọ tức Đề-bà-đạt-đa, con thứ tên A-nan-đà.

3. Bạch Phạn vương, có hai người con, con trưởng tên A-na-luật-đà, con thứ tên Ma-ha Nam.

4. Cam Lộ Phạn vương, có hai người con, con trưởng tên Bạt-đề, con thứ tên Đề-sa.

Tám người này đều xuất gia. A-na-luật ngủ gục trong lúc đang nghe Phật thuyết pháp, Như Lai quở trách rằng: “Ôi, sao lại ngủ gục như thế, thật giống loài ốc!” Vô Diệt xấu hổ, nghe pháp mà buồn khóc, nhiều ngày không ngủ, nên mắt bị mù. Sau đó đến hỏi Kỳ-bà, Kỳ-bà hỏi nguyên nhân phát bệnh, Vô Diệt thuật lại đầy đủ. Kỳ-bà nói rằng, ngủ là thức ăn của mắt, nhiều ngày không ngủ mắt bị chết đói khó có thể chữa khỏi. Vô Diệt bèn tu Thiên nhân, thấy được đại thiên. Người mà được Thiên nhân thì thành hai loại mắt. Nhưng mắt người thì mù mà mắt trời thấy được vật, nửa thấy nửa không thấy, cho nên có tên là Bán Đầu Thiên nhân. Nay được Đức Phật sai bảo.

Kinh: *Lúc bấy giờ, Đại Vô Diệt... Không kham nhận đến thăm bệnh ông ấy.*

Tán: Đây là phần từ chối, gồm ba: Đoạn này nói chung về việc đạo đã bị khuất phục. Vô Diệt được Thiên nhân. Là hữu lậu vô ký, còn có tướng tức chẳng phải chân thật. Nêu lên hai vấn đề không thể trả lời được, cho nên đầu tiên liền nói không kham nhận.

Kinh: *Vì sao?... kinh hành ở một nơi.*

Tán: Đây là hiển lý đã cùng tận. Đầu tiên tự hỏi, sau là giải thích. Trong giải thích lại có hai: Đầu tiên nêu lên việc của mình, sau đó là thuật lại lời của Vô Cấu Xưng. Trong phần thuật lại việc của mình gồm có ba ý:

1. Nêu việc kinh hành.
2. Phạm vương đến hỏi.
3. Trả lời.

Đây là phần tự hỏi và nêu lên việc mình kinh hành. Ở Ấn Độ đất ẩm thấp, ăn khó tiêu, nên phải lát gạch làm đường để đi lại cho tiêu thực. Vì đi qua rồi đi lại như vật lăn tới lui cho nên gọi là kinh hành. Nhân đây cũng được thuyết pháp tụng kinh. Các người học thiền cũng cần phải tu ánh sáng và các tướng.

Kinh: *Lúc bấy giờ, có Phạm vương... có thể thấy được bao nhiêu?*

Tán: Đoạn này là phần Phạm vương đến hỏi. Thiên nhân trụ ở cõi trời Thiên, các Phạm vương đều được, nay thấy Vô Diệt chứng đắc cho rằng cũng thuận với mình nên đến han hỏi. Nhưng cõi thì có cao thấp, tu thì có hơn và kém, cho nên chứng thiên nhân có thể thấy được bao nhiêu. Bản dịch xưa lầm lẫn.

Kinh: *Lúc bấy giờ, con đáp rằng... quả A-ma-lạc.*

Tán: Vô Diệt trả lời. Một cõi Phật hóa độ là tam thiên đại thiên. Vô Diệt là hàng Thanh văn cho nên thấy được như thế. Các loại quả ở Ấn Độ màu sắc khác nhau, quả A-ma-lạc được nhiều người ưa thích cho nên lấy làm dụ, để nói lên chỗ thấy rất rõ ràng.

Kinh: *Lúc bấy giờ, Vô Cấu Xưng... nói rằng.*

Tán: Đây là thuật lại lời của Vô Cấu Xưng, gồm hai:

1. Nêu phép tắc đến gặp.
2. Chính thức thuật lại.

Đây là lời văn thứ nhất.

Kinh: *Thưa Tôn giả Vô Diệt... là không có hành tướng.*

Tán: Phần chánh thức thuật lại, gồm năm:

1. Cật vấn.
2. Im lặng.
3. Phạm vương hỏi.
4. Đáp.
5. Lợi ích.

Phần cật vấn có ba:

1. Hỏi chung.
2. Hỏi riêng.
3. Tổng kết.

Đây là văn thứ nhất. Có hành tướng thì Không Lý Nghĩa giải thích rằng: Thiên nhân đạt được, thể của nó có hành tướng sai biệt hay không có hành tướng sai biệt? Đầu tiên là hỏi về thế đế, sau là hỏi về chân đế”. Ứng Lý Nghĩa ghi: “Là có tướng trạng hành giải phân biệt hư vọng, hay không có tướng trạng hành giải phân biệt hư vọng? Lời luận bàn ở đây, mới nghe tựa như sóng dữ, không tâm duyên cảnh thì không

có hành tướng, nếu không có hành tướng, thì làm sao duyên cảnh, như Duy Thức đã nói. Nay hỏi hư vọng cho nên không bị lỗi.”

Kinh: *Nếu có hành tướng... lẽ ra chẳng thấy.*

Tán: Đây là hỏi riêng. Không Lý Nghĩa ghi: “Nếu thể của nó có hành tướng thì không khác với năm thân thông của ngoại đạo, thì đâu thể gọi là nội đạo? Đẳng nghĩa là không khác. Tức là chấp có thể tục đế. Nếu thể không có hành tướng tức là vô vi, vô vi chân đế, tánh của nó đều không, vậy làm sao có thấy”. Ứng Lý Nghĩa ghi: “Nếu có hành tướng hư vọng phân biệt, thì không khác với năm thân thông của ngoại đạo, vì đó là từ hư vọng phân biệt mà sinh. Tâm, tâm sở trong ba cõi đều hư vọng phân biệt. Nếu không có hành tướng phân biệt hư vọng tức đồng với vô vi chân như, lẽ ra chẳng thấy. Chân như tuy có, nhưng không có hành tướng, chẳng thể có thấy”. Xem xét câu hỏi này thì cũng nên hỏi hai câu về thiên nhãn của Thanh văn và Phật. Thiên nhãn của Phật thông với tâm tâm sở, chẳng phải không có hành tướng, nhưng chẳng phải là tâm phân biệt hư vọng, chẳng phải có hành tướng chẳng đồng với lời hỏi trước, cho nên không bị lỗi.

Kinh: *Vì sao Tôn giả... có thể thấy được?*

Tán: Đây là đoạn kết luận lời vấn nạn. Tất cả lý này đều chẳng phải, sao lại có thấy?

Kinh: *Bạch Thế Tôn! Bấy giờ im lặng không thể đối đáp được.*

Tán: Đây là phần thứ hai, Vô Diệt im lặng. Lời và lý lẽ không, không thể thêm bớt được, cho nên im lặng không thể đáp.

Kinh: *Nhưng các Phạm vương... ai được chân Thiên nhãn?*

Tán: Thứ ba, Phạm vương hỏi. Thực tức là thù (ai) Phạm vương nghe pháp ít có, liền được điều chưa từng gặp, nên hạ mình tôn người, hỏi trên thế gian này ai là người được chân thiên nhãn tối thắng.

Kinh: *Vô Cấu Xung đáp rằng... các tướng.*

Tán: Thứ tư là đáp. Có Đức Phật Thích-ca, tu tập thiện căn đã lâu, được chân Thiên nhãn. Không Lý Nghĩa ghi: “Chân trí của Đức Thích-ca bên trong thì khế hợp với chân không, chẳng xả bỏ tịch định, chẳng phải hữu vi, bên ngoài hay tùy thuận thế tục, thấy các cõi Phật chẳng phải vô vi, nên gọi là chân Thiên nhãn; chẳng đồng với ngoại đạo thấy hai tướng và các tướng khác. Hai tướng tức tổng tướng có không. Các tướng tức biệt tướng có không”. Ứng Lý Nghĩa ghi: “Thiên nhãn của Vô Diệt thì dụng mà chẳng tịch, đầu tiên nhập định rồi sau mới khởi Thiên nhãn. Thiên nhãn tán tâm là hữu lậu vô ký gọi là phi chân nhãn, chỉ thấy đại thiên. Thiên nhãn của Như Lai là vô phân biệt trí chánh quán

chân như, chẳng bỏ tịch định, trong Hậu đắc trí, khởi nơi vô lậu là thiên tánh thiên nhân, thấy các cõi Phật rộng khắp mười phương, không có hai tướng và các tướng. Hai tướng tức hữu hành và vô hành là tổng sai biệt tướng và cộng tướng. Các tướng tức biệt sai biệt tướng và tự tướng, đều là các tướng hư vọng phân biệt.

Kinh: *Lúc bấy giờ, các Phạm vương... bỗng nhiên biến mất.*

Tán: Thứ năm nói về lợi ích. Nghe pháp vi diệu hy hữu liền phát tâm thù thắng. Nghe hỏi đã xong, tự nhiên chẳng hiện nữa.

Kinh: *Cho nên con không kham nhận đến thăm bệnh ông ấy.*

Tán: Tổng kết nguyên do từ chối và tự thân thấy kém sút nên xin thoái lui.

Kinh: *Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn... đến vấn an bệnh ông ấy.*

Tán: Lần thứ tám, Đức Phật bảo Ưu-bà-ly. Đầu tiên là sai bảo sau là từ chối. Đây là lời sai bảo. Phạm Ưu-bà-ly, Hán dịch là Cận chấp. Khi Đức Phật còn làm Thái tử, Ưu-bà-ly là một cận thân, nắm giữ việc triều chính, cho nên gọi là Cận chấp. Tức vị quan giữ gìn kho tàng. Khi các vương tử họ Thích xuất gia, thì cho ông tất cả quần áo, mũ, vật báu, trang sức, voi cưỡi. Sau đó ông ấy nghĩ rằng, các Thích tử giàu có còn xả bỏ để xuất gia, ta là hạng người nào mà còn ở lại. Bèn treo mũ lên cành cây, cột voi vào gốc cây mà nguyện rằng, nếu có người đến lấy ta sẽ dâng cho, rồi đến chỗ của các vương tử thuật lại suy nghĩ của mình. Các vương tử đều vui mừng, bạch Phật xin độ Cận Chấp trước, làm bậc trên, để chúng con xả bỏ tâm ngã mạn, sinh lòng cung kính thừa sự. Đức Phật chấp nhận. Các vương tử cung kính lễ bái Bà-ly, lúc ấy mặt đất chấn động, trên hư không có tiếng khen rằng: “Các vương tử họ Thích này, núi ngã mạn đã sụp đổ”. Hạ thấp đầu tôn quý của mình mà nay lễ bái chân thấp kém của người. Là bậc đệ nhất về trì luật, cho nên nay Đức Thế Tôn sai bảo.

Kinh: *Lúc bấy giờ, Ưu-bà-ly... đến thăm bệnh ông ấy.*

Tán: Đây là phần từ chối, gồm ba: Một là, nói chung về đạo đã bị khuất phục. Con y theo luật hạnh, dạy họ dứt trừ oan nghiệp, ông ấy nói chứng chân, thì tội nặng mới diệt. Con nói do thân ngữ mà tội được trừ, ông ấy nói hội nguồn tâm thì cấu uế mới sạch. Lý đã thua, lời cũng sút kém cho nên đều từ chối.

Kinh: *Vì sao?... chẳng dám đến chỗ Phật.*

Tán: Đây là đoạn nói về lý đã cùng tận, gồm hai:

1. Nêu việc của mình.
2. Thuật lời của Vô Cấu Xưng.

Trong phần nêu việc của mình lại gồm hai:

1. Hai người đến xin xuất tội.
2. Mình như pháp dứt trừ.

Trong phần hai người đến xin xuất tội lại chia ba:

1. Nguyên do đến.
2. Phép tắc đến gặp.
3. Xin xuất tội.

Đây là văn thứ nhất. Phật là Pháp chủ, oai đức đặc biệt tôn quý, việc tầm thường nhỏ nhặt thật chẳng thể đến, cho nên phá hoại luật hạnh xấu hổ chẳng dám đến gặp Phật.

Kinh: *Đến chỗ của con... mà nói với con rằng:*

Tán: Đây là nói phép tắc đến han hỏi.

Kinh: *Thưa ngài Ưu-bà-ly!... khỏi được tội này.*

Tán: Đây là phần xin xuất tội. Tội nhỏ đã sinh sợ hãi lớn, lại phạm luật hạnh, thật lấy làm xấu hổ, nguyện xin giải trừ sự lo buồn, sự phiền não trong tâm chúng tôi, mà tránh được tội này, tội đã có thể khỏi, nói chẳng phải là Ba-la-di.

Kinh: *Con liền vì họ... thanh tịnh tội đã phạm.*

Tán: Đây là nói Ưu-bà-ly như pháp trừ diệt tội lỗi cho hai vị kia. Nói như pháp tức như luật. Việc nhẹ hoặc Thế Tôn chế nặng, việc nặng hoặc có thể chế nhẹ. Nhưng khi xuất tội chỉ là tác pháp, đạo lý phải nên như thế, chẳng phải là cách y theo nghiệp đạo để trừ diệt gốc tội. Như luật pháp giải nói đạo lý khiến họ trừ ưu não, thanh tịnh được tội lỗi đã phạm.

Kinh: *Thị hiện, chỉ bày, khuyến tấn, an ủi.*

Tán: Hiển pháp tương như gồm:

1. Thị hiện.
2. Chỉ dạy.
3. Khuyến tấn.
4. An ủi.

Các kinh khác cũng thêm phần khiến lia dục. Luận Du-già tám mươi một ghi: “Khiến lia dục, nghĩa là chê trách tất cả sáu hành hắc phẩm, chỉ bày tội lỗi, khiến xa lia ái nhiễm”, tức là dạy khuyến trừ lo buồn ăn năn. Thị hiện nghĩa là khiến thọ học các hạnh bạch phẩm, nêu ra bốn đạo lý chân thật. Chỉ dạy, nghĩa là đã thị hiện thì được tin hiểu, liền lập bày chỗ học, khiến chánh thọ thực hành. Do đó họ được tự tại và liền hỏi: “Bây giờ tôi nên làm như thế nào? Xin chỉ dạy cho”. Nhân đó mà bảo rằng: “Bây giờ các ông đối với việc như thế nên làm nên

học”. Khuyến tấn, nghĩa là đối với chỗ biết, chỗ làm, chỗ được họ sinh tâm lui sụt, thì bấy giờ nên khen ngợi, sách tấn tâm họ, khiến đối với việc ấy có thể lực mạnh mẽ. An ủi, nghĩa là họ đồng mãnh chân chánh thực hành pháp và tùy pháp, tức nên như thật vui mừng tán thán, khiến cho họ hoan hỷ. Có một cách giải thích khác cũng đồng như luận kia; tức trong đó cũng là khiến lia đục nhiễm: Chỉ bày bạch phẩm, khuyến hành chánh hạnh, sách tấn khen ngợi chớ thoái lui, vui mừng với việc làm của họ, khiến sinh tâm hoan hỷ, gọi là như pháp mà thuyết, bản dịch xưa thiếu các việc này.

Kinh: *Lúc bấy giờ, Vô Cấu Xưng... mà nói rằng.*

Tán: Thuật lại lời của Vô Cấu Xưng, gồm hai:

1. Phép tắc đến han hỏi.
2. Chính thức thuật lại.

Đây là văn đầu tiên.

Kinh: *Thưa ngài Ưu-ba-ly!... chớ làm rối loạn tâm của họ.*

Tán: Thuật lời của ngài Vô Cấu Xưng, gồm năm:

1. Nêu chánh lý.
2. Tán dương.
3. Đã dạy.
4. Tội diệt.
5. Phát nguyện.

Nêu chánh lý, gồm có ba:

1. Bài bác chung.
2. Hiện chánh.
3. Kết luận chánh lý.

Đây là văn thứ nhất. Không Lý Nghĩa ghi: “Hai người phạm tội, do chấp có tướng, nên xin diệt trừ tội, lại chỉ dạy là tội có khởi, lấy có tăng thêm vào có, cho nên gọi là tăng tội. Nên diệt trừ thẳng tâm ưu não cho họ, nên nói vô tướng, tội tánh vốn không, là diệt trừ tội cho họ, chớ dùng “có tội” mà nào loạn tâm họ”. Nhiều tức là loạn. Ứng Lý Nghĩa ghi: “Hai người phạm tội, tội là nghiệp đạo, cần phải chứng lý thể, đạt được hư huyễn, mới nhổ được gốc tội. Nhưng y theo tác pháp là dùng sự để diệt, thì miệng đúng tâm sai, diệt mà chẳng diệt, tội nghiệp lại sinh, nên gọi là tăng tội. Nên nói chân lý, khiến cho chứng ngộ, nên nói tục chúng như huyễn, khiến họ liễu đạt, gọi đó là trừ diệt thẳng tội cho họ, nhổ sạch chủng tử tội lỗi, chớ dùng sự tướng làm nào loạn tâm họ để hiện tội tiêu diệt.

Kinh: *Vì sao?... chẳng tại ở giữa.*

Tán: Hiển chánh lý, gồm có hai:

1. Nói về chân lý khiến chứng được gốc tội.
2. Nói về việc tục khiến biết được tội là hư giả, tức câu “Thưa ngài Ưu-bà-ly tất cả pháp tánh, sinh diệt chẳng trụ...”, tướng của tội không thật, để dứt trừ, chủng tử gốc tội vốn chân thật, chứng đạt đó thì tội diệt.

Tội diệt, tức là nhổ trừ các chủng tử quả khổ phiền não ác nghiệp như đoạn dứt chủng tử, tức diệt mà chẳng sinh, nếu thân ngữ sám hối thì chỉ gọi là chế phục, tăng sức giảm năng lực, chẳng phải là chân thật diệt tội, về sau tội lại sinh.

Trong phần thứ nhất lại chia làm ba:

1. Nói về chánh lý.
2. Hỏi khiến cho hiển.
3. Nói về tương hiển tịnh.

Trong phần nói về chánh lý gồm ba ý: Một là, nói về tánh tội; hai là, nói về chỗ y cứ của tội; ba là thể của tội.

Đây là văn đầu tiên. Không lý Nghĩa ghi: “Tánh tội tức Lý chân không, không có chỗ trụ; tánh tội nếu có thì trụ ở nội căn; và do ngoại sáu cảnh, nên có khoảng giữa. Tánh tội vốn không, đều không có chỗ trụ. Trong thế tục đế, tội trụ ở sáu căn, sáu trần làm duyên mà khởi tội, cho nên gọi là ở ngoài. Trong nhân, ngoài duyên, nên trụ ở giữa. Sáu thức... ở bên trong. Tánh tội đã không, cho nên không có chỗ trụ. Chứng biết được tánh tội vốn không, thì có tội gì?”. Ứng Lý Nghĩa ghi: “Tánh tội là lý chân như, lý này chẳng nương vào nội căn, ngoại cảnh mà trụ ở khoảng giữa. Do mê lý này nên xoay vần tội sinh, chứng đạt được lý này thì tội vĩnh viễn diệt tận.

Kinh: Như lời Phật dạy... thì hữu tình thanh tịnh.

Tán: Đây là nói về chỗ y cứ của tội, gồm có hai:

1. Nói người giả y cứ vào tâm mà thành.
 2. Nói thể của tội y vào tâm mới khởi.
- Tội y vào tâm mới sinh khởi.

Đây là đoạn văn đầu tiên. Tội tức do nghiệp thân ác tạo tác, thể của nó là hiện hành và chủng tử của tư bất thiện, lấy tâm làm chỗ y cứ, tức năng y của tư, việc này có thể phá hủy, chán lìa cho nên gọi là tội. Vì thế đầu tiên nói về chỗ y cứ của tội để khiến cho họ được liễu đạt, sau đó mới nói đến thể của tội. Sắp nói đến chỗ y cứ của tội thì trước dẫn lời Phật. Lý Không Nghĩa ghi: “Đây là dẫn giáo thế tục. Tâm tức sáu thức, chẳng nói có tám. Nếu thật có tâm thì thật có tội, tức hữu tình

có tạp nhiễm, tâm tánh vốn không thì tội chẳng có, hữu tình thanh tịnh”. Ứng Lý Nghĩa ghi: “Luận Thành Duy Thức nói tâm là thức thứ tám. Hữu tình là ngũ uẩn giả, đều là y vào tâm kia mà giả kiến lập. Thức tâm thứ tám nếu thuộc về hữu lậu tạp nhiễm thì người giả năng y cũng là tạp nhiễm, nếu thức tâm thứ tám sở y thuộc về vô lậu thanh tịnh thì người giả năng y cũng thanh tịnh. Nay ở đây đều nương vào tám thức kiến lập hữu tình giả, lấy tâm làm gốc, cho nên tội và người tội lia tâm thì chẳng có.

Kinh: *Tâm như thế... chẳng trụ ở giữa.*

Tán: Nói về thể của tội nương vào tâm mới khởi. Lý Không Nghĩa ghi: “Tâm như thế, nghĩa là trong Thắng nghĩa đế cũng chẳng y cứ vào trong, ngoài, chẳng ở giữa; vì bản tánh không hay khởi thể của tội, nên chẳng phải chân thật”. Ứng Lý Nghĩa ghi: “Tám thức tâm này chẳng đồng sáu thức mà Nhị thừa đã nói. Sáu thức thật chẳng trụ ở sáu căn, chẳng trụ ở ngoài hoặc ở khoảng giữa. Chỉ nương vào chân như pháp giới thanh tịnh mà trụ, do đó tội cấu cũng không có chỗ trụ.

Kinh: *Tâm ấy như thế... chẳng lia như.*

Tán: Đây là nói về tội thể. Không Lý Nghĩa ghi: “Tâm sở y như thể vốn không tịch, không có chỗ trụ, tội cấu năng y, trong Thắng nghĩa đế cũng vô tự tánh, không có chỗ nương gá. Tội cấu đã như thế, các pháp cũng như thế. Vậy cái gì là duyên của tội, ai là người lia tội? Vì tâm, tội và pháp chẳng lia như, như là không vô”. Ứng Lý Nghĩa ghi: “Như bản tâm kia, chẳng trụ trong ngoài, chỉ y vào chân như. Tội cấu năng y cũng y vào như, chẳng y trong ngoài. Tội cấu như đã thế thì duyên phạm tội và người lia tội và tất cả các pháp cũng chẳng lia như, chẳng y trong ngoài, đều không có thật tội, tất cả đều là lý chân như. Do mê tâm cho nên các tội lỗi sinh khởi, có thể hủy có thể trách nên gọi là tội. Do ngộ được tâm nên tội diệt, thiện sinh, có thể tán thán vui mừng, cho nên gọi là phước. Vì thế nói “Tội do tâm sinh cũng từ tâm mà diệt”.

Kinh: *Thưa ngài Ưu-ba-ly!... đã từng nhiễm chẳng?*

Tán: Đây là phần hỏi khiến cho hiểu, gồm có ba ý:

1. Hỏi.
2. Đáp.
3. Khiến cho hiểu.

Đây là lời hỏi: Không Lý Nghĩa ghi: “Tâm ông vốn tịnh vì tánh vốn không. Không nhiễm cho nên tịnh, khi ông được Niết-bàn giải thoát quả A-la-hán thì tâm tánh không này có nhiễm chẳng? Phạm Thánh tuy khác,

nhưng tâm chẳng khác. Cho nên mới hỏi”. Ứng Lý Nghĩa ghi: “Luận Thành Duy Thức giải thích tâm tánh tịnh gồm hai nghĩa:

1. Tức tâm chân như pháp tánh, nên kinh Thắng Man nói tự tánh thanh tịnh tâm, mà có thể nhiễm ô, thật khó liễu tri được.

2. Tâm nhân duyên, tức Luận Du-già năm mươi bốn nói tâm Y tha tánh, tánh chẳng có phiền não nên gọi là bản tánh tịnh. Nay nói tâm kia chẳng phiền não nên nói là bản tánh tịnh, tương ứng với nhiễm nên gọi là nhiễm tâm, chẳng phải thể của tâm nhiễm mà gọi là tâm nhiễm. Tâm này không chỉ khi chưa được giải thoát bản tánh vốn tịnh, mà khi được giải thoát cũng từng không nhiễm. Nay chỉ hỏi khi ông chưa được giải thoát, tâm bản tánh tịnh kia từng có nhiễm chẳng? Dùng tâm khi chưa giải thoát so sánh với tâm bản tánh tịnh giải thoát.

Kinh: *Con nói: Không... cũng lại như thế.*

Tán: Đây là lời đáp. Được giải thoát tâm cũng chưa từng nhiễm.

Kinh: *Vô Cấu Xưng nói rằng... cũng như thế.*

Tán: Đây là lời nói khiến cho hiểu được. Không Lý Nghĩa ghi: “Đạt Thánh chứng chân, biết tâm vốn không, vì thế chẳng nhiễm. Cho nên biết tâm tánh của hữu tình vốn tịnh, từng không nhiễm ô, ý cũng như thế, vì đồng là tâm không”. Ứng Lý Nghĩa ghi: “Dùng tâm nhân duyên phàm so sánh với tâm nhân duyên Thánh, xưa nay chẳng nhiễm thì ý cũng như thế; vì đều là tâm tánh. Do đó có thể biết tư ác là tội, như khách tạm có, nhiễm ô tâm kia, chứng lý thì trí sinh, khách tội liền diệt. Cho nên tâm đã đoạn trừ hoặc, gọi là lìa tương ứng phược, đây lại chẳng phải là duyên cảnh, nên gọi là lìa sở duyên phược. Do lìa hai phược nên gọi là tâm giải thoát, vì chứng đạt được lý, nên đạt được lý tâm. Nên gọi là tội diệt.

Kinh: *Thưa ngài Ưu-ba-ly... tức là tánh thanh tịnh.*

Tán: Đây là nói về tướng nhiễm tịnh, lược nêu ba phen, đây là phen thứ nhất. Tâm có phân biệt chung và phân biệt riêng tức có phiền não, phiền não khởi, tức tội bèn sinh, liền chiêu cảm sinh tử; nếu không có phân biệt chung và phân biệt riêng tức không có phiền não, không phiền não thì tội nghiệp chẳng khởi, liền được thanh tịnh chứng Niết-bàn. Phân biệt, tức nói chung về các phân biệt, phân biệt riêng tức các chấp trước. Do hai tâm này mà ông sinh phiền não. Nếu không phân biệt thì liền được thanh tịnh.

Kinh: *Nếu có điên đảo... tức tánh thanh tịnh.*

Tán: Đây là phen thứ hai. Điên đảo tức là chấp thật có thường lạc ngã tịnh. Trái với chân lý, nên gọi là điên đảo. Hoặc nói bảy điên

đảo, tức bốn loại trên cộng với ba loại là tướng, tâm và kiến. Khởi vọng tướng phân biệt bốn loại trên nên gọi là tướng đảo, chấp nhận ham thích bốn loại trên mà chấp trước, gọi là kiến đảo. Tâm đảo, tức các phiền não như tham... ở nơi các chấp trước kia. Gồm có ba loại:

1. Lấy ngu si làm gốc.

2. Lấy Tát-ca-da kiến, biên kiến, một phần kiến thủ, giới cấm thủ làm tự tánh.

3. Lấy các phiền não khác làm Đẳng lưu, như Du-già tám đã nói, có các đảo này tức có phiền não, không có các đảo này tức trở thành thanh tịnh. Ông đã có phiền não nên nay có điên đảo.

Kinh: *Nếu có thủ ngã... tức tánh thanh tịnh.*

Tán: Đây là phen thứ ba. Thủ tức chấp thủ; chấp ngã là gốc thì tạp nhiễm liền sinh, nếu chẳng chấp thủ ngã thì liễu đạt vô ngã, tức tánh liền thanh tịnh. Ông đã có tạp nhiễm, nên nói có chấp thủ ngã, hiển thị hai người kia có nguyên do khởi phiền não. Ở trên là khiến cho biết chân thì tội cấu tự diệt, ở dưới đây là khiến cho biết tục thì tội dễ trừ. Như biết được duyên giặc thì dễ phá dẹp.

Kinh: *Thuta ngài Ưu-ba-ly!... như điện như mây.*

Tán: Đây là nói về việc tục, khiến cho người biết được chân nguy. Gồm có bốn lớp. Đây là lớp thứ nhất, nói về tục có sinh diệt. lược nêu lên bốn dụ, như huyễn, hóa, điện, mây. Tất cả đều không thật, đều chẳng dừng trụ, tánh tự hư giả.

Kinh: *Tất cả pháp tánh... chẳng tạm dừng trụ.*

Tán: Đây là lớp thứ hai, nói tục mau chóng không thể nương gá, chẳng dừng trụ một niệm, mau chóng biến diệt.

Kinh: *Tất cả pháp tánh... như thành Kiên-đạt-phước.*

Tán: Đây là lớp thứ ba, nói thể của tục do hư vọng mà thấy. Ở đây gồm có ba dụ là như thấy cảnh mộng, do tướng tư sinh khởi. Như dương diệm vì do khát ái mà sinh; chấp thật có nước. Như thành Kiên-đạt-phước, Hán dịch là thành Tâm hương. Ở Ấn Độ gọi người tấu nhạc là Tâm hương, những người này không chịu làm nghề gì để sinh sống, chỉ tìm mùi hương của thức ăn, đến tấu nhạc mà cầu xin. Ngôi thành huyễn hóa này có lầu gác rất đẹp dễ ưa thích nên gọi là thành Tâm hương. Hơi nước trên biển khi có ánh mặt trời chiếu vào thì ở xa trông như có tường thành, cũng tựa như huyễn thành, nước xao động phát ra âm thanh nhẹ nhàng như tấu nhạc, giống như thành Tâm hương, cho nên cũng gọi là Tâm hương thành. Vì đối hoặc mà sinh khởi cho nên nay lấy làm dụ.

Kinh: *Tất cả pháp tánh... như ảnh trong gương.*

Tán: Đây là lớp thứ tư, nói tâm tục tạo tác, như bóng trăng trong nước; trong nước thật chẳng có trăng, tâm vọng cho là có, chẳng biết lấy nước làm duyên, lại thấy mặt trăng thật. Tất cả các việc thế tục đều do tâm tạo, chẳng biết tự tâm, bèn cho là có ngoại cảnh. Ảnh trong gương, cũng chẳng phải là ảnh thật, lấy gương làm duyên thì lại thấy được mặt thật. Cảnh chấp thủ của tâm cũng như thế, chẳng biết tự tâm, cho rằng lia tâm có cảnh. Nếu ảnh trong gương là thật có, vậy thấy đi vì sao chẳng đi, thấy đến vì sao chẳng đến? Gương kia đã chẳng thật, các việc tục cũng như thế.

Kinh: *Người biết như thế... gọi là khéo điều phục.*

Tán: Kết luận chánh lý. Luật tức luật nghi và giới, chứng chân biết tục, khéo có thể làm quy tắc cho người. Điều phục tức điều phục ba nghiệp, dứt trừ các pháp ác, biết rõ tánh tội, nương vào gốc tội; rõ biết tướng tội, gốc tội dễ nhổ sạch, đó gọi là khéo điều phục.

Kinh: *Lúc bấy giờ, hai vị Bí-sô... mà chẳng thể nói năng.*

Tán: Đây là phần tán dương. Đầu tiên thì được pháp chưa từng có, sau đó là chính thức khen ngợi trí tuệ biện tài, là điều mà Ưu-ba-ly chẳng thể bằng được.

Kinh: *Con liền nói rằng... khởi tưởng về cư sĩ.*

Tán: Đoạn thứ ba nói về tự mình khuyến bảo. Đầu tiên thì nêu chung, sau là nói riêng. Đây là nói chung.

Kinh: *Vì sao?... thù thắng như thế.*

Tán: Trừ Đức Phật ra, còn không ai có thể chế phục được trí tuệ biện tài của ông ấy, trí tuệ và biện tài của ông ấy như thế.

Kinh: *Bấy giờ, hai vị Bí-sô... phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.*

Tán: Đoạn này nói về tội diệt. Tuy chưa chứng chân nhưng chủng tử tội đã trừ sạch. Đầu tiên nghe diệu lý thì ưu não đoạn dứt, không chỉ tội diệt mà còn phát tâm Vô thượng giác.

Kinh: *Liền lễ kính... tuệ biện thù thắng.*

Tán: Phần thứ năm, nói về phát nguyện. Các vị Bí-sô tân học, đã phạm tội, vừa thấy tuệ biện như thế, ai mà không cung kính, cho nên lễ bái.

Kinh: *Bấy giờ, con im lặng... không kham nhận đến thăm bệnh ông ấy.*

Tán: Kết luận nguyên do từ chối, tự thân sút kém xin thoái lui.